TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỆT MAY HUẾ
Số: 367/NQ-ĐHCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ NĂM 2021

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Dệt May Huế;

Căn cứ Biên bản Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 24 tháng 4 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dệt May Huế;

Đại hội cổ đông đã nhất trí quyết nghị những nội dung sau:

Điều 1: Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2021 của Công ty (kèm theo báo cáo chi tiết), với các chỉ tiêu chính như sau :

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2020
1	Giá trị sản xuất Công nghiệp	Tỷ đồng	1.296
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.358
3	Lợi nhuận thực hiện (trước thuế)	Trđ	15.288
4	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	%	15,29
5	Cổ tức	%	08% Vốn điều lệ

2. Kế hoạch nhiệm vụ năm 2021:

2.1 Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2021
1	Giá trị sản xuất Công nghiệp	Tỷ đồng	1.388
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.423
3	Lợi nhuận thực hiện (trước thuế)	Trđ	25.000
4	Cổ tức	%	15

2.2 Công tác đầu tư

a) Kế hoạch đầu tư:

- Dự án đầu tư chiều sâu thay thế thiết bị sợi giai đoạn năm 2021 – 2022 tổng mức đầu tư dự kiến là 38,02 tỷ, thời gian dự kiến thực hiện quý III/2021.

- Dự án đầu tư chiều sâu thiết bị may năm 2021 tổng mức đầu tư dự kiến là 28,06 tỷ đồng, thời gian dự kiến thực hiện trong quý II/2021.

- Dự án đầu tư chiều sâu thay thế thiết bị dệt nhuộm năm 2021 tổng mức đầu tư dự kiến là 17,59 tỷ đồng, thời gian dự kiến thực hiện trong quý II/2021.

- Dự án xây dựng nhà kho 02 tầng tại nhà máy May tổng mức dự toán dự kiến là 10 tỷ đồng, thời gian dự kiến triển khai quý IV/2021.

Signature Not Verified
Ký bởi: NGUYỄN VĂN PHONG
Ký ngày: 24/4/2021 16:58:15

b) Nghiên cứu và triển khai kế hoạch đầu tư mua lại toàn bộ Chi nhánh Quảng Bình tại Khu Công nghiệp Cam Liên, xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình hiện đang thuê tài sản từ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May miền Bắc – Vinatex từ năm 2018 đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo hiệu quả sau đầu tư.

Điều 2: Thống nhất thông qua báo cáo kết quả của Hội đồng quản trị Công ty và định hướng năm 2021. (Kèm theo báo cáo chi tiết)

Điều 3: Đại hội thống nhất thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức năm 2020, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận:

Vốn Điều lệ 100.000.000.000 đồng

Phần I. Phân phối lợi nhuận năm 2020

1. Lợi nhuận thực hiện 15.288.050.561 đồng

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế / Vốn điều lệ (%) 15,29%

Nộp thuế TNDN 20% lợi nhuận thực hiện 3.383.044.665 đồng

2. Lợi nhuận sau thuế TNDN 11.905.005.896 đồng

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ (%) 11,91%

3. Lợi nhuận sau thuế TNDN không được phân phối 6.765.799

4. Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối **11.898.240.097 đồng**

STT	Phân phối lợi nhuận sau thuế	Tỷ lệ (%) / VĐL	Số tiền	Tỷ lệ (%) / LN sau thuế	Số dư sau khi đã trích
I	**Trích lập các quỹ**				
1	Quỹ đầu tư phát triển	0,00		0,00	Số dư = 82.478.956.722 đồng
2	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	0,50	500.000.000	4,20	Số dư = 636.000.000 đồng
3	Quỹ khen thưởng	1,77	1.765.429.782	14,84	Số dư = 1.978.868.266 đồng
4	Quỹ phúc lợi	1,00	1.000.000.000	8,40	Số dư = 10.243.841.758 đồng
	Cộng các quỹ	**3,27**	**3.265.429.782**	**27,44**	
II	**Chi trả khác**	0,63	**632.810.315**	5,32	
III	**Trả cổ tức**	**8,00**	**8.000.000.000**	**67,24**	
	Tổng cộng	**11,90**	**11.898.240.097**	**100**	

Phần II: Phân phối lợi nhuận do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ các năm trước:

- Lợi nhuận do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ các năm trước, trong đó: 545.163.985 đồng

+ Lợi nhuận chưa thực hiện (03 đối tượng phải thu khó đòi) 313.941.748 đồng

+ Lợi nhuận đã thực hiện 231.222.237 đồng

- Lợi nhuận được phân phối của các năm trước là 231.222.237 đồng

2. Bổ sung phần lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá được phân phối vào quỹ phúc lợi **231.222.237** đồng.

Điều 4: Đại hội thông qua mức chi trả cổ tức năm 2020 là 08%/Vốn điều lệ bằng tiền mặt tương ứng 8.000.000.000 đồng. Thời gian chi trả cổ tức trước ngày 30/6/2021.

Điều 5: Đại hội thông qua về việc quyết toán việc chi trả tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả tiền lương và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2021. (Theo tờ trình chi tiết kèm theo):

a) Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 20.000.000 đồng/tháng.
- TV Hội đồng quản trị chuyên trách: 35.000.000 đồng/tháng.
- TV Hội đồng quản trị không chuyên trách: 5.000.000 đồng/tháng.

b) Tiền lương và thù lao Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách: 12.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách: 3.000.000 đồng/tháng.

c) Mức tiền lương và thù lao trên không bao gồm:

- Thuế thu nhập cá nhân, Công ty chi trả phần thuế này;
- Tiền lương bổ sung, tiền thưởng, Lễ, tết được hưởng như CBCNV khác theo quy chế Công ty.

d) Thời gian áp dụng tiền lương và thù lao trên áp dụng từ 01/01/2021.

Điều 6: Đại hội thống nhất chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam, trụ sở tại Tầng 46, tòa nhà Keangnam, Landmark Tower, 72 tầng, E6, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội là công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Dệt May Huế.

Điều 7: Đại hội biểu quyết tán thành nội dung Báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty năm 2020 (có báo cáo chi tiết đính kèm).

Điều 8: Thống nhất thông qua Tờ trình về việc Bổ sung sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị nội bộ (Các nội dung đề xuất sửa đổi kèm theo)và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Dệt May Huế (Chi tiết theo các tờ trình đính kèm).

Điều 9: Đại hội thống nhất thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật. (Có phương án chi tiết kèm theo).

Điều 10: Thống nhất tăng vốn điều lệ Công ty theo kết quả chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận, ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục điều chỉnh tăng vốn theo quy định của pháp luật.

Điều 11: Đại hội thống nhất ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định mọi vấn đề có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế cũng như mở rộng quy mô sản xuất.

Điều 12: Tổ chức thực hiện.

1. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thực hiện có hiệu quả các nội dung tại Nghị quyết này đã được Đại hội cổ đông thông qua theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

2. Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dệt May Huế đã được Đại hội cổ đông thống nhất thông qua với tỉ lệ tán thành 100% có quyền biểu quyết.

3. Nghị quyết này được thông báo đến cổ đông trong thời hạn 24 giờ làm việc kể từ khi Đại hội kết thúc./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Nguyễn Đức Trị

***Nơi nhận*:**
- Sở GDCKHN;
- Vụ quản lý phát hành – UBCKNN;
- TT Lưu ký Chứng khoán;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Các cổ đông;
- Trưởng các đơn vị trực thuộc;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website: huegatex.com.vn;
- Lưu VT.

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỆT MAY HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 366/BB-ĐHCĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ NĂM 2020

Hôm nay, vào lúc 08h00 ngày 24 tháng 4 năm 2021, phiên họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dệt May Huế năm 2021 đã được tiến hành.

Địa điểm: tại phòng họp Tầng 4 Nhà Điều hành Công ty Cổ phần Dệt May Huế.

Thành phần tham dự Đại hội:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát Công ty.

- Về phía Cổ đông có mặt 30 người, sở hữu và đại diện sở hữu cho 9.153.795 cổ phần, chiếm 91,54% tổng số cổ phần có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội;

- Chủ toạ Đại hội: ông Nguyễn Đức Trị - Chủ tịch HĐQT;

- Thư ký Đại hội:

Ông Huỳnh Quang Nhật – Thư ký HĐQT.

Bà Thân Thị Kim Phụng – Phó phòng Tài chính Kế toán.

I. Diễn biến quá trình Đại hội như sau:

1. Khai mạc Đại hội

- Sau phần tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, ông Hồ Nam Phong – Trưởng phòng Nhân sự báo cáo tổng hợp số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội là 30 người, đại diện cho gần 800 cổ đông là các tổ chức và cá nhân, nắm giữ 9.153.795 cổ phần, chiếm 91,54% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Căn cứ Điều lệ Công ty là đủ điều kiện để tiến hành họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Dệt May Huế năm 2021 được phép tiến hành hợp lệ.

2. Ông Nguyễn Đức Trị - Chủ tọa, thông qua Chương trình Đại hội và giới thiệu Ban Kiểm phiếu gồm các ông bà sau:

- Ông Trần Đình Tuấn - Cổ đông Công ty.
- Bà Nguyễn Thị Hạnh– Cổ đông Công ty.
- Ông Phạm Hồng Sơn– Cổ đông Công ty.
- Ông Nguyễn Văn Thắng – Cổ đông Công ty.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội và Ban Kiểm phiếu với tỷ lệ 100%.

3. Ông Nguyễn Tiến Hậu – Người phụ trách Quản trị Công ty, GĐĐH trình bày nội dung Quy chế làm việc tại Đại hội.

4. Ông Nguyễn Văn Phong - TV HĐQT thay mặt Chủ tọa trình bày Báo cáo đánh giá kết quả SXKD Công ty năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2021.

(Kèm theo Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2021).

5. Bà Nguyễn Khánh Chi – Kế toán Trưởng Công ty thay mặt Chủ tọa trình bày các tờ trình sau:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020.

- Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020.

- Tờ trình quyết toán tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021.

- Tờ trình về phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình có lựa chọn cho người lao động (ESOP).

(Kèm theo các Tờ trình và báo cáo)

6. Ông Nguyễn Tiến Hậu – Giám đốc Điều hành Công ty thay mặt Chủ tọa trình bày các nội dung:

- Tờ trình về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

- Tờ trình về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty.

- Tờ trình về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

(Kèm theo các Tờ trình, các nội dung đề xuất sửa đổi và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị)

7. Ông Nguyễn Văn Phong – Thành viên HĐQT thay mặt Chủ tọa trình bày báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng năm 2021 *(Kèm theo báo cáo chi tiết)*;

8. Bà Phan Nữ Quỳnh Anh – Trưởng ban Kiểm soát Công ty thay mặt Chủ tọa trình bày các nội dung:

- Báo cáo thẩm tra kết quả sản xuất kinh doanh Công ty năm 2020.

- Tờ trình về việc Ban hành quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập.

(Kèm theo các Tờ trình và báo cáo)

10. Đại hội nghỉ giải lao.

11. Đại hội thảo luận:

11.1 Ông Nguyễn Bá Quang – Cổ đông Công ty: Nhất trí với báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tuy nhiên cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông phải có đánh giá, so sánh với các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội năm trước giao.

- Các dự án cần được triển khai nhanh hơn, chi tiết hơn và cần quan tâm đến việc cân đối nguồn vốn trong quá trình triển khai.

- Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty cần quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đối với nguồn nhân lực cấp cao của Công ty.

Ông Nguyễn Đức Trị - Chủ tọa Đại hội phát biểu cảm ơn những ý kiến đóng góp của cổ đông và tiếp thu những ý kiến đó. Cam kết sẽ đưa các nội dung vào báo cáo và các giải pháp của Công ty trong năm 2021 để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Cụ thể, trong tháng 5/2021, Hội đồng quản trị Công ty sẽ họp về công tác đầu tư và tài chính đối ứng cho các dự án đầu tư.

II. Chủ tọa Đại hội điều hành phần thông qua các nội dung tại Đại hội:

1. Thông qua Báo cáo kết quản sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2021:

1.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2020
1	Giá trị sản xuất Công nghiệp (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	1.296
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.358
3	Lợi nhuận thực hiện (trước thuế)	Trđ	15.288
4	Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn điều lệ	%	15,29
5	Cổ tức	%	08

1.2. Kế hoạch nhiệm vụ năm 2021:

a) Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2021
1	Giá trị sản xuất Công nghiệp (theo giá hiện hành)	Tỷ đồng	1.388
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.423
3	Lợi nhuận thực hiện (trước thuế)	Trđ	25.000
4	Cổ tức	%	15

b) Kế hoạch đầu tư

- Dự án đầu tư chiều sâu thay thế thiết bị sợi giai đoạn năm 2021 – 2022 tổng mức đầu tư dự kiến là 38,02 tỷ, thời gian dự kiến thực hiện quý III/2021.

- Dự án đầu tư chiều sâu thiết bị may năm 2021 tổng mức đầu tư dự kiến là 28,06 tỷ đồng, thời gian dự kiến thực hiện trong quý II/2021.

- Dự án đầu tư chiều sâu thay thế thiết bị dệt nhuộm năm 2021 tổng mức đầu tư dự kiến là 17,59 tỷ đồng, thời gian dự kiến thực hiện trong quý II/2021.

- Dự án xây dựng nhà kho 02 tầng tại nhà máy May tổng mức dự toán dự kiến là 10 tỷ đồng, thời gian dự kiến triển khai quý IV/2021.

- Nghiên cứu và triển khai kế hoạch đầu tư mua lại toàn bộ Chi nhánh Quảng Bình

tại Khu Công nghiệp Cam Liên, xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình hiện đang thuê tài sản từ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May miền Bắc – Vinatex từ năm 2018 đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật hiện hành và đảm bảo hiệu quả sau đầu tư.

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 9.153.795 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

2. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

Vốn Điều lệ 100.000.000.000 đồng

Phần I. Phân phối lợi nhuận năm 2020

1. Lợi nhuận thực hiện 15.288.050.561 đồng

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế / Vốn điều lệ (%) 15,29%

Nộp thuế TNDN 20% lợi nhuận thực hiện 3.383.044.665 đồng

2. Lợi nhuận sau thuế TNDN 11.905.005.896 đồng

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ (%) 11,91%

3. Lợi nhuận sau thuế TNDN không được phân phối 6.765.799

4. Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối **11.898.240.097 đồng**

STT	Phân phối lợi nhuận sau thuế	Tỷ lệ (%) / VĐL	Số tiền	Tỷ lệ (%) / LN sau thuế	Số dư sau khi đã trích
I	**Trích lập các quỹ**				
1	Quỹ đầu tư phát triển	0,00		0,00	Số dư = 82.478.956.722 đồng
2	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	0,50	500.000.000	4,20	Số dư = 636.000.000 đồng
3	Quỹ khen thưởng	1,77	1.765.429.782	14,84	Số dư = 1.978.868.266 đồng
4	Quỹ phúc lợi	1,00	1.000.000.000	8,40	Số dư = 10.243.841.758 đồng
	Cộng các quỹ	**3,27**	**3.265.429.782**	**27,44**	
II	**Chi trả khác**	0,63	**632.810.315**	5,32	
III	**Trả cổ tức**	**8,00**	**8.000.000.000**	**67,24**	
	Tổng cộng	**11,90**	**11.898.240.097**	**100**	

Phần II: Phân phối lợi nhuận do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ các năm trước:

- Lợi nhuận do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ các năm trước, trong đó: 545.163.985 đồng

+ Lợi nhuận chưa thực hiện (03 đối tượng phải thu khó đòi) 313.941.748 đồng

+ Lợi nhuận đã thực hiện 231.222.237 đồng

- Lợi nhuận được phân phối của các năm trước là 231.222.237 đồng

* Bổ sung phần lợi nhuận từ chênh lệch tỷ giá được phân phối vào quỹ phúc lợi **231.222.237** đồng.

* Thời gian chi trả cổ tức trước 30/06/2021.

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 9.153.795 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

3. Thông qua Tờ trình quyết toán thù lao, tiền lương Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao, tiền lương Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021:

a) Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 20.000.000 đồng/tháng.
- TV Hội đồng quản trị chuyên trách: 35.000.000 đồng/tháng.
- TV Hội đồng quản trị không chuyên trách: 5.000.000 đồng/tháng.

b) Tiền lương và thù lao Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách: 12.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách: 3.000.000 đồng/tháng.

c) Mức tiền lương và thù lao trên không bao gồm:

- Thuế thu nhập cá nhân, Công ty chi trả phần thuế này;
- Tiền lương bổ sung, tiền thưởng, Lễ, tết được hưởng như CBCNV khác theo quy chế Công ty.

d) Thời gian áp dụng tiền lương và thù lao trên áp dụng từ 01/01/2021.

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 9.153.795 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

4. Thông qua các Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty với các nội dung đề xuất sửa đổi kèm theo.

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 9.153.795 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

5. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty với nội dung các Quy chế kèm theo.

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 9.153.795 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

6. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng năm 2021.

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 9.153.795 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

7. Báo cáo thẩm tra kết quả sản xuất kinh doanh Công ty năm 2020.

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 9.156.581 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

8. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập báo cáo tài chính Công ty năm 2021 là Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 9.153.795 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

9. Thông quan phương án phát hành cổ phiếu có lựa chọn cho người lao động Công ty (ESOP). *(Kèm theo tờ trình chi tiết)*

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 9.153.795 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

Trong đó, kết quả biểu quyết của Đại hội cổ đông sau khi loại trừ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông thuộc đối tượng được tham gia mua cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty và người có liên quan:

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 8.532.086 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

10. Thống nhất tăng vốn điều lệ Công ty theo kết quả chào bán cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty được Ủy ban Chứng khoán chấp thuận, ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục điều chỉnh tăng vốn theo quy định của pháp luật.

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 9.153.795 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

11. Về các nội dung ủy quyền khác: Thống nhất ủy quyền Hội đồng quản trị quyết định mọi vấn đề có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện và điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế cũng như mở rộng quy mô sản xuất.

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 9.153.795 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

12. Thư ký trình bày dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội

Chủ tọa xin ý kiến biểu quyết của Đại hội để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty.

Kết quả biểu quyết như sau:

- Số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành: 9.156.581 cổ phần đạt 100% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không tán thành: 0 cổ phần
- Số cổ phần có quyền biểu quyết không có ý kiến: 0 cổ phần

13. Chủ tọa tổng kết bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dệt May Huế đã kết thúc lúc 11h30 cùng ngày.

THƯ KÝ	CHỦ TỌA
HUỲNH QUANG NHẬT	NGUYỄN ĐỨC TRỊ

Nơi nhận:
- Sở GDCKHN;
- Vụ quản lý phát hành – UBCKNN;
- TT Lưu ký Chứng khoán;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Trưởng các đơn vị trực thuộc;
- Người công bố thông tin;
- Đăng tải Website: www.huegatex.com.vn;
- Lưu VT.

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM 2021

A. Bối cảnh năm 2020:

Năm 2020 đã đi qua, để lại cho thế giới biết bao khó khăn - Thiên tai, dịch bệnh, thảm họa, xung đột, bạo động bao trùm nhiều nơi. Đặc biệt, đại dịch Covid – 19 đã làm đảo lộn cuộc sống và khiến nền kinh tế toàn cầu chao đảo.

Đối với Công ty Cổ phần Dệt May Huế, cuộc chiến tranh thương mại kéo dài, chưa có hồi kết, dịch bệnh làm cho những đơn hàng chưa sản xuất phải ngừng sản xuất, sản xuất xong phải ngừng xuất khẩu, những đơn hàng chưa triển khai sản xuất phải hoãn, hủy. Thiên tai, bão chồng bão, lũ chồng lũ, đặc biệt năm nay có thêm lệnh cấm người dân ra đường đã ảnh hưởng rất lớn đến việc tổ chức SXKD của Công ty.

- Nhà máy Sợi phải đóng máy ngừng việc 01 tháng, khi hoạt động trở lại chỉ hoạt động khoảng 40% công suất của nhà máy.

- Các đơn hàng Sợi, khách hàng May thông báo hủy, hoãn các đơn hàng trị giá lên tới gần 120 tỷ đồng.

- Các nhà máy không có kế hoạch sản xuất trong tháng 4/2020. Công ty phải tìm kiếm, tiếp nhận các đơn hàng gia công khẩu trang kháng khuẩn để đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động. Tổng công ngừng việc do dịch là 52.425 công, số tiền chi trả ngừng việc 7 tỷ đồng.

- Hàng sản xuất xong, đã chốt thời gian giao hàng nhưng thiếu container, giá tăng 5 lần từ 1.800 lên 10.000USD.

B. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

I. Kết quả sản xuất kinh doanh toàn Công ty:

Bảng 1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2019	KH năm 2020	TH năm 2020	So sánh (%)	
(A)	*(B)*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4 = 3/1*	*5 = 3/2*
I	**Sản phẩm chủ yếu**						
1	**Sợi các loại**	**Tấn**	**14.758,51**		**10.035,95**	**68,0%**	
	Sợi các loại quy đổi Ne 30	Tấn	13.018,16	10.200,00	8.909,91	68,4%	87,4%
2	Vải dệt kim	Tấn	636,05	400,00	564,20	88,7%	141,1%
3	Sản phẩm may	1000 chiếc	20.189,07	21.000,00	45.221,83	224,0%	215,3%
II	**Giá trị SXCN**	**Tỷ đồng**	**1.656,00**	**1.412,00**	**1.295,65**	**78,2%**	**91,8%**
III	**Doanh thu**	**Tỷ đồng**	**1.757,00**	**1.452,00**	**1.357,92**	**77,3%**	**93,5%**
	- Sợi	Tỷ đồng	753,32	600,00	488,42	64,8%	81,4%
	- May	Tỷ đồng	893,10	816,00	800,63	89,6%	98,1%
	- Khác (bao gồm doanh thu cửa hàng và tài chính)	Tỷ đồng	103,66	36,00	68,88	66,4%	191,3%
IV	**Doanh thu CM**	**Tỷ đồng**	**443,23**	**475,60**	**466,93**	**105,3%**	**98,2%**
	May 1	Tỷ đồng	106,13	106,28	106,99	100,8%	100,7%

	May 2	Tỷ đồng	108,69	108,77	113,00	104,0%	103,9%
	May 3	Tỷ đồng	107,59	106,07	101,33	94,2%	95,5%
	May 4	Tỷ đồng	64,99	84,81	84,38	129,8%	99,5%
	CN Quảng Bình	Tỷ đồng	55,85	69,67	61,23	109,7%	87,9%
V	**Kim ngạch XK tính đủ**	**Tr. USD**	**100,43**	**79,40**	**97,61**	**97,2%**	**122,9%**
	- Sợi (kể cả KDTM)	Tr. USD	26,55	18,00	16,49	62,1%	91,6%
	- May	Tr. USD	73,88	61,40	81,12	109,8%	132,1%
VI	**Kim ngạch XK thanh toán**	**Tr. USD**	**59,81**	**47,00**	**45,52**	**76,1%**	**96,9%**
	- Sợi (kể cả KDTM)	Tr. USD	26,55	18,00	16,46	62,0%	91,4%
	- May	Tr. USD	33,26	29,00	29,06	87,4%	100,2%
VII	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tỷ đồng**	**23,50**	**10,00**	**15,29**	**65,1%**	**152,9%**
VIII	**Nộp ngân sách**	**Tỷ đồng**	**10,69**	**13,00**	**10,42**	-	-

a) Doanh thu thực hiện đạt 1.357,9 tỷ đồng, đạt 93,5% kế hoạch, giảm 22,7% so với năm 2019.

b) Giá trị sản xuất công nghiệp theo giá hiện hành đạt 1.295,65 tỷ đồng, đạt 91,8% kế hoạch, giảm 21,8% so với năm 2019.

c) Kim ngạch xuất khẩu thanh toán đạt 45,52 triệu USD, đạt 96,9% kế hoạch, giảm 23,9% so với năm 2019.

d) Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 15,29 tỷ đồng, tỷ lệ 15,29%/vốn điều lệ, đạt 152,9% kế hoạch, giảm 34,9% so với năm 2019.

e) Thu nhập bình quân toàn Công ty năm 2020 đạt 7.125.648 đồng/người/tháng, tương đương thu nhập bình quân năm 2019.

II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực:

1. Lĩnh vực Sợi:

1.1. Kết quả sản xuất sợi:

a) Tổng sản lượng sợi sản xuất năm 2020 là 8.909,9 tấn sợi chi số bình quân Ne30, đạt 87,4% kế hoạch năm, giảm 31,6% so với năm 2019.

b) Năng suất lao động tăng từ 64,57kg sợi Ne30/công lên 74,18kg sợi Ne30/công.

c) Chất lượng sợi trong năm 2020 đã dần được ổn định, không có khiếu nại của khách hàng, tỷ lệ sợi loại I tăng dần và đạt 100%.

d) Năm 2020 cũng là một năm bước ngoặt đối với nhà máy Sợi khi nhà máy được tái cấu trúc lại từ 6,7 vạn cọc xuống còn 4,5 vạn cọc, lao động giảm từ 680 người xuống còn 450 người, thay đổi phương pháp quản trị, sắp xếp lại mặt bằng nhà xưởng, tối ưu hóa đường đi sản phẩm, thực hành 5S,… từ đó, tăng năng suất lao động, ổn định chất lượng sản phẩm của nhà máy.

1.2. Kết quả kinh doanh sợi:

a) Doanh thu sản xuất kinh doanh sợi năm 2020 là 488,42 tỷ đồng, đạt 81,4% kế hoạch, giảm 35,1% so với năm 2019, tương ứng sản lượng tiêu thụ là 10.547 tấn, giảm 28,5% so với năm 2019.

Sản lượng sợi xuất khẩu đạt 7.352 tấn, tương đương 356,8 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 73,1% doanh thu, giảm 36,8% so với năm 2019.

b) Doanh thu kinh doanh thương mại sợi đạt 26,2 tỷ đồng, giảm 60,4% so với năm 2019, chủ yếu là sợi xuất khẩu.

c) Chỉ số tích lũy sợi đạt 206 đồng/kg sợi, 40.559 đồng/cọc sợi.

Sau hơn 1 năm chịu thiệt hại từ hệ quả cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, thị trường Sợi bắt đầu có khởi sắc trong 2 tháng đầu năm 2020, giá cả và nhu cầu tăng lên. Tuy nhiên, từ tháng 3/2020, đại dịch Covid – 19 bùng phát, các khách hàng của Công ty thông báo về việc hoãn, ngừng sản xuất đối với các hợp đồng đã ký, phải đóng máy ngừng sản xuất sợi trong gần 01 tháng. Đến cuối tháng 5, thị trường hồi phục dần, nhu cầu khách hàng bắt đầu tăng trở lại. Bên cạnh đó, giai đoạn cuối năm, cước vận chuyển tăng cao, vì vậy một số mục tiêu như hiệu quả, sản lượng không hoàn thành kế hoạch đặt ra.

Tuy nhiên, nỗ lực trong hoạt động kinh doanh, tìm kiếm thị trường đã giúp Công ty thâm nhập được vào thị trường Hàn Quốc với các mặt hàng CoCd, CVCm 60/40,... Mặc dù cơ cấu mặt hàng sang thị trường mới chưa thật sự ổn định nhưng Công ty đã bắt đầu có lãi từ sợi CoCd xuất sang thị trường này trong tháng 12/2020 và xác định đây là một thị trường tiềm năng trong năm 2021.

Tồn kho sợi từ mức gần 1.000 tấn trong những tháng chịu tác động của dịch bệnh thì đến cuối năm 2020 chỉ còn khoảng 300 tấn.

2. Lĩnh vực Dệt Nhuộm:

2.1. Sản lượng:

Sản lượng vải thành phẩm sản xuất năm 2020 là 564,2 tấn, trong đó có 42,7 tấn vải in, đạt 141,1% kế hoạch, giảm 11,3% so với năm 2019.

2.2. Chất lượng:

Tỷ lệ sản phẩm loại A trung bình năm 2020 đạt 99,03%, cao hơn 1,13% so với năm 2019, tuy nhiên, vẫn còn một số dạng lỗi lặp lại cần khắc phục để đảm bảo không ảnh hưởng đến quá trình sản xuất may.

2.3. Công tác thí nghiệm mẫu:

Trong năm 2020 đã gửi 303 mẫu Labdip, số màu được khách hàng duyệt là 278 mẫu, trong đó có 213 mẫu được khách hàng duyệt lần đầu tiên (tỷ lệ 76,6%). Tỷ lệ mẻ nhuộm đầu tiên đạt màu lần đầu là 371 mẻ, đạt tỷ lệ 76,5%, tăng 0,9% so với năm 2019.

2.4. Quản lý chi phí:

a) Chi phí sản xuất trung bình là 41.747,7 đồng/kg vải thành phẩm, giảm 8.621,1 đồng/kg vải thành phẩm so với năm 2019.

b) Tiêu hao điện là 1,486 KWh/kg vải, thấp hơn định mức 0,314 KWh/kg vải;

c) Tiêu hao nước là 0,13 m^3/kg vải, thấp hơn 0,026 m^3 so với năm 2019;

d) Chi phí hoá chất, thuốc nhuộm trung bình năm 2020 là 25.298,5 đồng/kg vải, thấp hơn 3.655,1 đồng/kg vải so với năm 2019.

e) Chi phí hơi trung bình năm 2020 là 5.440,6 đồng/kg vải, thấp hơn 3.019,2 đồng/kg vải so với năm 2019.

f) Chi phí nhiệt trung bình năm 2020 là 5.002,4 đồng/kg vải, thấp hơn 2.024,7 đồng/kg vải so với năm 2019.

g) Nước nóng thu hồi trong năm là 26.075,87 m^3, tiết kiệm được 357,4 triệu đồng.

3. Lĩnh vực May:

3.1. Kết quả sản xuất may:

Năm 2020 là một năm rất khó khăn đối với các nhà máy May nhưng cũng là năm bứt phá của các nhà máy May khi sau giai đoạn khó khăn nhất, việc thay đổi phương pháp điều hành, thay đổi mô hình quản lý của khối May đã giúp các nhà máy chủ động hơn trong công tác chuẩn bị sản xuất, qua đó, tạo sự bứt phá về năng suất lao động, đặc biệt doanh thu CM tháng 12/2020 đã đạt đến 52,3 tỷ đồng, con số mà trước đây Công ty chưa từng đạt được.

a) Tổng doanh thu CM của các nhà máy May năm 2020 là 466,93 tỷ đồng, đạt 98,2% kế hoạch năm, tăng 5,3% so với năm 2019.

b) Năng suất lao động bình quân của các nhà máy May là 17,62 USD/công, tăng 4,5% so với năm 2019.

c) Tỷ lệ tái chế bình quân năm 2020 của các nhà máy May là 0,93%, giảm 1,09% so với năm 2019.

3.2. Kết quả kinh doanh may:

a) Tổng doanh thu tiêu thụ sản phẩm may năm 2020 đạt 800,63 tỷ đồng, đạt 98,1% kế hoạch năm, giảm 10,4% so với năm 2019.

b) Bên cạnh việc duy trì các khách hàng truyền thống của Công ty như Aurora, Hansae, Makalot, Fashion Garment, Công ty đã phát triển mối quan hệ hợp tác với nhiều khách hàng mới như Vicorus, Wuxi, Motives, Li&Fung, HBI, PPJ, VTJ, New Connection. Trong năm 2020, Công ty đã phát triển thêm được 02 khách hàng FOB mới là Motives và Purple Door, đã có đơn hàng thử nghiệm đầu tiên.

c) Trong năm 2020, cơ cấu chủng loại sản phẩm cũng có sự thay đổi mạnh mẽ. Trong thời điểm dịch bệnh, nhu cầu khẩu trang tăng mạnh, Công ty đã nắm bắt kịp thời và nhanh chóng thực hiện chuyển đổi cơ cấu mặt hàng, tiếp nhận các đơn hàng với số lượng 21 triệu khẩu trang của HBI, FGL, Scavi,…thay cho các đơn hàng áo quần truyền thống mà phần lớn bị dừng sản xuất hoặc hủy sản xuất, hoặc giữ lại không xuất hàng.

d) Chỉ tiêu hiệu quả may đạt 10.000.000 đồng/lao động.

e) Doanh thu bán hàng tại Cửa hàng là 13,1 tỷ đồng, đạt 326,5% kế hoạch, tăng 89,2% so với năm 2019, chủ yếu do tăng doanh thu từ hoạt động bán khẩu trang vải kháng khuẩn.

4. Lĩnh vực Tài chính - Nội chính – Đầu tư:

4.1. Hoạt động tài chính:

Bảng 2. Các chỉ tiêu tài chính năm 2020 (ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019	So sánh 2020 - 2019
1	**Tiền vay ngắn hạn**			
	Số dư vay ngắn hạn đầu năm	230.336	229.687	650
	Số tiền vay ngắn hạn trong năm	701.401	1.199.634	(498.233)
	Số trả nợ vay ngắn hạn trong năm	868.238	1.198.984	(330.746)
	Số dư vay ngắn hạn tại thời điểm 31/12	63.499	230.336	(166.837)
2	**Chi phí lãi vay**	14.777	20.602	(5.825)
	Trong đó: Lãi vay vốn lưu động	6.419	9.129	(2.710)
	Lãi vay đầu tư	8.358	11.473	(3.115)
3	**Vay dài hạn**			
	Số vay dài hạn đầu năm	156.212	156.965	(753)
	Số vay dài hạn trong năm	23.332	26.369	(3.036)
	Trả nợ vay dài hạn	29.072	27.122	1.950
	Số dư vay dài hạn tại thời điểm 31/12	150.473	156.212	(5.740)
4	**Nợ phải thu khách hàng**			
	Số dư nợ phải thu đầu năm	209.031	218.364	(9.333)
	Số phải thu phát sinh trong năm	1.384.334	1.781.745	(397.411)
	Số đã thu trong năm	1.461.950	1.792.091	(330.141)
	Số dư nợ phải thu tại thời điểm 31/12	129.914	208.018	(78.104)
5	Khấu hao tài sản và công cụ dụng cụ	75.174	68.038	7.136
6	Đầu tư xây dựng, mua sắm TSCĐ	39.772	41.490	(1.718)
7	Chi trả bằng tiền mặt	17.121	17.433	(312)

Từ tháng 9/2020, Công ty triển khai xây dựng báo cáo quản trị chi tiết cho các nhà máy, làm căn cứ để Ban Điều hành Công ty và Giám đốc các nhà máy ra các quyết định điều hành, giảm chi phí, tăng hiệu quả Công ty.

4.2. Công tác tổ chức - lao động - tiền lương – đào tạo:

a) Tổng số lao động Công ty tính đến 31/12/2020 là 4.926 người, lao động tăng mới là 682 lao động, lao động giảm là 1.120 lao động.

b) Năm 2020, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc khối Sợi và khối May để thay đổi phương pháp quản lý, điều hành, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh Công ty, không xảy

ra phản nàn, khiếu kiện từ việc sắp xếp lao động; kiện toàn bộ máy cán bộ quản lý, bổ nhiệm 01 Kế toán trưởng, 02 Phụ trách phòng, 01 Quyền Giám đốc và 08 Phó phòng, Phó trạm Y tế.

c) Tổ chức được các khóa đào tạo Kỹ thuật ngành May, đào tạo nâng cao Kỹ năng quản lý và Kỹ năng mềm cho đội ngũ Tổ trưởng ngành May, xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo nhân viên mới và các khóa đào tạo bắt buộc theo quy định của pháp luật.

d) Công ty cũng đã thực hiện khoán quỹ lương cho ban Bảo vệ (áp dụng từ 01/3/2020), phòng Thị trường May 1 và phòng Thị trường May 2 (áp dụng từ 01/11/2020) với mục đích nâng cao hiệu suất công việc và tăng thu nhập cho người lao động của các đơn vị, hiện tại đang mang lại hiệu quả tích cực.

e) Thu nhập bình quân toàn Công ty năm 2020 đạt 7.125.648 đồng/người/tháng, tương đương thu nhập bình quân năm 2019.

4.3. Công tác hệ thống:

a) Năm 2020, Công ty tổ chức tiếp đón và vượt qua 21 cuộc đánh giá chính thức của khách hàng về hệ thống TNXH, hệ thống QLCL và hệ thống an ninh.

b) Công ty đã được cấp chứng nhận theo tiêu chuẩn TNXH mới là BSCI, mở rộng cơ hội phát triển đơn hàng sang thị trường châu Âu, chứng nhận Hệ thống Quản lý Môi trường phù hợp với Tiêu chuẩn quốc tế ISO 14001: 2015.

c) Hoạt động kiểm soát nội bộ trong năm 2020 đã mang đến những hiệu quả tích cực khi đã thực hiện kiểm tra, phát hiện được các rủi ro, sai sót trong hồ sơ các dự án và công tác quản lý số liệu tại các đơn vị, đề xuất các giải pháp khắc phục và kiểm soát kết quả khắc phục của các đơn vị. Công ty cũng đã tổ chức đánh giá nội bộ vào tháng 11/2020 để phân tích sự phù hợp và phát hiện những điểm không phù hợp trong hệ thống quản lý của Công ty khi vận hành theo mô hình mới.

4.4. Công tác đầu tư:

a) Năm 2020, Công ty đã thực hiện 04 dự án đầu tư với tổng mức đầu tư 169,1 tỷ đồng, trong đó:

- Dự án Đầu tư bổ sung thiết bị nhà máy Sợi năm 2019 chuyển tiếp: triển khai đầu tư các thiết bị chính gồm 02 máy ghép có bộ tự động làm đều, 02 máy đánh ống tự đông nối vê có bộ xử lý xơ ngoại lai và 01 bộ Optional chạy sợi xoắn trái được lắp đặt trên 01 máy ống, 380 thùng cúi. Tổng mức đầu tư dự án là 13,68 tỷ đồng. Dự án hoàn thành trong quý I/2020 với tổng mức giải ngân dự án là 9,47 tỷ đồng.

- Dự án Đầu tư bổ sung thiết bị may năm 2019 chuyển tiếp: triển khai đầu tư các thiết bị chính gồm 10 máy và bàn trải vải tự động, 300 máy 1 kim điện tử, 120 máy 1 kim điện tử tốc độ cao, 100 máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ, 120 máy vắt sổ 2 kim 4 chỉ có bộ cắt chỉ tự động và các máy khác,....Tổng mức đầu tư dự án là 35,79 tỷ đồng. Dự án hoàn thành trong quý I/2020 với tổng mức giải ngân dự án là 28,38 tỷ đồng.

- Dự án Đầu tư thay thế thiết bị Sợi 2020 - 2021: triển khai đầu tư các thiết bị chính gồm 06 máy sợi con 1.440 cọc đổ sợi tự động và 03 máy sợi con 1.440 cọc đổ sợi tự

động có bộ Compact, hệ thống link thô bằng tay từ 14 máy thô sang 41 máy con, máy xé kiện dài 45m và máy trộn 8-10 buồng, máy thí nghiệm Neps, chiều dài, độ chín của bông, bán thành phẩm và máy Micronaire,… Tổng mức đầu tư dự án là 89,87 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành trong quý IV/2021.

- Dự án Đầu tư bổ sung thiết bị May và xe ô tô: triển khai đầu tư các thiết bị bổ sung cho chi nhánh Quảng Bình và 02 xe ô tô 29 chỗ, 7 chỗ để phục vụ chuyên chở CBCNV Công ty. Tổng mức đầu tư dự án là 3,33 tỷ đồng. Tổng mức giải ngân tính đến thời điểm hiện tại là 1,87 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành trong quý II/2021.

b) Ngoài các dự án đã triển khai, Công ty đang hoàn thiện phương án và lập sơ đồ mặt bằng công nghệ cho dự án xây dựng nhà máy may 03 tầng.

c) Ngoài các dự án đầu tư, Công ty cũng đã triển khai việc cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng tại các đơn vị, tạo môi trường làm việc an toàn cho người lao động.

Sau khi triển khai các dự án đầu tư, số lượng cọc sợi của nhà máy Sợi giảm từ 6,7 vạn cọc xuống còn 4,5 vạn cọc, tuy nhiên, sản lượng tăng từ 1.940 tấn/1 vạn cọc/năm lên 2.215 tấn/1 vạn cọc/năm. Số lượng lao động nhà máy Sợi giảm tương ứng từ 680 lao động xuống còn 450 lao động.

Việc đầu tư bổ sung các thiết bị tự động ngành May cũng giúp các nhà máy May chủ động hơn trong công tác chuẩn bị sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm, tăng năng suất và góp phần giải quyết vấn đề thiếu hụt về lao động.

III. Đánh giá tổng quan năm 2020:

1. Những điểm nổi bật trong năm 2020:

1.1. Công tác phòng chống dịch Covid – 19 và thiên tai:

Năm 2020, xác định được tầm quan trọng của công tác phòng chống dịch Covid – 19, Công ty đã nghiêm túc triển khai các giải pháp phòng chống dịch, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện "5K", đồng thời, hạn chế tối đa các trường hợp khách hàng, CBCNV từ vùng dịch đến/trở về, tổ chức cách ly tài xế các phương tiện vận tải đến từ vùng dịch, giảm thiểu rủi ro phát sinh dịch trong Công ty. Nhờ sự chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo, Công ty đã không để xảy ra bất kỳ trường hợp nào nhiễm hoặc nghi nhiễm Covid – 19 trong Công ty, được UBND tỉnh trao tặng bằng khen vì có thành tích xuất sắc trong phòng chống dịch.

Bên cạnh đó, Công ty đã chủ động thực hiện các giải pháp phòng, chống thiên tai theo chỉ đạo của chính quyền địa phương, ứng phó kịp thời với các đợt bão chồng bão, lũ chồng lũ trong giai đoạn cuối năm, qua đó, không để xảy ra bất kỳ thiệt hại nghiêm trọng nào tại Công ty, đảm bảo sự an toàn cho toàn thể CBCNV Công ty.

1.2. Tái cấu trúc nhà máy Sợi:

Năm 2020 cũng là một năm bước ngoặt đối với nhà máy Sợi khi nhà máy được tái cấu trúc lại từ 6,7 vạn cọc xuống còn 4,5 vạn cọc, lao động giảm từ 680 người xuống còn 450 người, thay đổi phương pháp quản trị, từ đó, tăng năng suất lao động, ổn định chất lượng sản phẩm của nhà máy.

Năng suất lao động từ mức bình quân 64,57 kg sợi Ne30/công tăng lên 74,18 kg sợi Ne30/công.

1.3. Tái cấu trúc khối May:

Năm 2020 cũng là năm bứt phá của các nhà máy May khi sau giai đoạn khó khăn nhất, việc thay đổi phương pháp điều hành, thay đổi mô hình quản lý của khối May đã giúp các nhà máy chủ động hơn trong công tác chuẩn bị sản xuất (may mẫu, thiết kế, tài liệu sản xuất, kiểm tra, cấp phát NPL), qua đó, tạo sự bứt phá về năng suất lao động, đặc biệt doanh thu CM tháng 12/2020 đã đạt đến 52,3 tỷ đồng, con số mà trước đây Công ty chưa từng đạt được.

1.4. Duy trì được việc làm, tiền lương ổn định cho người lao động trong điều kiện dịch bệnh, thiên tai:

Năm 2020 là một năm rất khó khăn đối với Công ty trong thời điểm tháng 4 và tháng 5/2020 khi khách hàng lần lượt thông báo tạm hoãn, hủy đơn hàng do tác động của đại dịch Covid – 19. Các nhà máy May bắt đầu tháng 4/2020 trong tình trạng không có kế hoạch sản xuất, phải nghỉ ngừng việc trong 10 ngày đầu tháng trước khi tiếp nhận được các đơn hàng khẩu trang, nhà máy Sợi phải nghỉ ngừng việc trong gần 01 tháng để tổ chức đào tạo nội bộ do không có đơn hàng.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực của Ban Điều hành Công ty và các đơn vị, Công ty đã thực hiện chuyển đổi cơ cấu mặt hàng phù hợp với tình hình thị trường, tìm kiếm bổ sung đơn hàng và thực hiện các giải pháp tăng năng suất lao động để duy trì việc làm, ổn định tiền lương, thu nhập cho người lao động.

Thu nhập bình quân đạt 7.125.648 đồng/người/tháng, tương đương năm 2019. Không có người lao động nào bị mất việc làm do ảnh hưởng của dịch bệnh.

1.5. Công tác cải tiến, sáng tạo được đẩy mạnh:

Trong điều kiện khó khăn của thị trường do tác động của chiến tranh thương mại và đại dịch Covid – 19, hoạt động cải tiến, sáng tạo tại Công ty luôn được khuyến khích và đẩy mạnh. Ngoài những sáng kiến giúp tăng năng suất lao động trực tiếp tại các nhà máy, Công ty còn có những đề tài cải tiến khoa học của CBCNV được công nhận cấp tỉnh và cấp quốc gia, điển hình là đề tài của nhóm nghiên cứu phòng QLCL (đứng đầu là chị Trần Thị Thuấn) đạt giải Ba trong Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ V năm 2020, đề tài của anh Hồ Thanh Phương – Nhà máy Sợi – được vinh danh tại Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X năm 2020 và 02 đề tài phát triển phần mềm quản lý của phòng Nhân sự.

2. Những mặt hạn chế:

2.1. Công tác cán bộ:

Công tác quy hoạch, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận vẫn còn hạn chế dẫn đến việc Công ty gặp khó khăn khi xem xét, bổ sung cán bộ quản lý cho các đơn vị nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi của mô hình quản lý và chiến lược dài hạn của Công ty.

2.2. Công tác đào tạo:

Mặc dù đã tổ chức được một số khóa đào tạo trong năm 2020, tuy nhiên, công tác đào tạo chưa đáp ứng kịp nhu cầu thực tế của các đơn vị, chưa chú trọng vào đào tạo chiều sâu, đào tạo nội bộ gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, các chương trình đào tạo cán bộ quản lý cấp trung, cấp cao chưa được quan tâm đúng mức cũng góp phần vào hạn chế của công tác cán bộ.

2.3. Năng suất lao động và chất lượng sản phẩm của chi nhánh Quảng Bình:

Năm 2020, mặc dù rất nỗ lực trong công tác đơn hàng, nâng cao năng suất lao động nhưng doanh thu CM bình quân chỉ đạt 5,1 tỷ đồng/tháng.

Bên cạnh đó, việc thiếu cán bộ kỹ thuật, chất lượng làm cho công tác quản lý chất lượng tại chi nhánh còn rất hạn chế. Chất lượng sản phẩm vẫn còn biến động, khách hàng thường xuyên phàn nàn khi kiểm tra inline và final tại chi nhánh, tỷ lệ tái chế bình quân ở mức rất cao (23,9%).

2.4. Công tác xây dựng và phát triển thương hiệu nội địa:

Công tác thiết kế chưa phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng, việc định vị thị trường, phân khúc thị trường và xác định thị trường mục tiêu chưa rõ ràng dẫn đến sự kém hiệu quả trong xây dựng và phát triển thương hiệu nội địa của Công ty, doanh thu chính của Cửa hàng KDGTSP năm 2020 chủ yếu dựa vào việc gia công cho các Công ty khác và bán khẩu trang kháng khuẩn (doanh thu bán hàng mang thương hiệu nội địa Công ty chỉ chiếm 11% tổng doanh thu của Cửa hàng năm 2020).

IV. Bài học rút ra:

1. Luôn thay đổi và chấp nhận sự thay đổi là yếu tố then chốt quyết định đến sự thành công.

2. Sáng tạo trong quản lý và điều hành sản xuất, kiên trì với mục tiêu chung của Công ty.

3. Để đảm bảo cạnh tranh, vấn đề không phải là giá (PRICE) mà là quản lý chi phí (COST).

4. Chủ động dự báo và đưa ra nhiều kịch bản để đối phó với tình hình bất ổn và khó lường của thị trường, dịch bệnh và thiên tai.

5. Làm tốt công tác truyền thông nội bộ và tuân thủ tuyệt đối quy tắc phòng chống dịch.

B. KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM 2021:

I. Những thách thức và cơ hội tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021:

1. Thách thức:

a) Dịch bệnh vẫn đang diễn biến phức tạp, khó lường.

b) Nguyên liệu phụ thuộc nhập khẩu từ nước ngoài, giá cả biến động thất thường, không theo quy luật dễ gây ra những rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Mỹ có thể truy xuất nguồn gốc, đánh thuế chống lẩn tránh đối với hàng dệt may Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ.

c) Cạnh tranh lao động giữa ngành Dệt May và các doanh nghiệp trong nội bộ ngành diễn ra gay gắt, nguy cơ thiếu hụt lao động.

d) Xu thế giảm giá chi phối toàn thị trường; hàng hóa đơn giản thay thế hàng thời trang, dẫn tới nhiều năng lực sản xuất dư thừa nhưng năng lực mới lại thiếu hụt.

e) Thách thức từ việc khan hiếm container và tàu biển dẫn đến giá vận chuyển tăng, không đáp ứng được tiến độ giao hàng,... Từ cuối năm 2020, giá vận chuyển đã tăng lên 5 lần, gây ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh cũng như tiến độ giao hàng. Dự báo năm 2021, giá vận chuyển có hạ nhiệt nhưng không đáng kể.

2. Cơ hội:

a) Hiệp định thương mại tự do EVFTA có hiệu lực từ tháng 8 năm 2020 dự báo làm tăng xuất khẩu dệt may 67% và các hiệp định đã có hiệu lực khác như CTTPP, RCEP tạo cơ hội gia tăng thị trường và năng lực cạnh tranh cho ngành Dệt May Việt Nam.

b) Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là cơ hội tạo điều kiện để ngành Dệt May Việt Nam đầu tư máy móc thiết bị tự động, công nghệ tiên tiến giải quyết khâu yếu về năng suất, chất lượng, thiết kế mẫu, phần mềm quản lý.

c) Hàng may dịch chuyển các nước về Việt Nam, có cơ hội lựa chọn đơn hàng.

d) Những thay đổi của Công ty đã tác động tích cực đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tạo tiền đề để hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ năm 2021.

II. Kế hoạch nhiệm vụ năm 2021:

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021:

1.1 Giá trị SXCN (theo giá hiện hành): 1.388 tỷ đồng, tăng 7,2% so với năm 2020.

1.2 Tổng doanh thu: 1.423 tỷ đồng, tăng 4,8% so với năm 2020. Trong đó:

a) Doanh thu sợi: 542 tỷ đồng.

b) Doanh thu may: 840 tỷ đồng.

c) Doanh thu khác: 41 tỷ đồng.

1.3 Lợi nhuận trước thuế: 25 tỷ đồng, tăng 63,5% so với năm 2020.

1.4 Tỷ lệ chia cổ tức: 15% vốn điều lệ, tăng 87,5% so với năm 2020.

1.5 Kim ngạch xuất khẩu tính đủ: 87 triệu USD, tăng 10,9% so với năm 2020. Kim ngạch xuất khẩu thanh toán: 50 triệu USD, tăng 8,7% so với năm 2020.

1.6 Tổng khấu hao trích trong năm: 51,4 tỷ đồng.

1.7 Nộp ngân sách: 10 tỷ đồng.

1.8 Thu nhập bình quân đạt 7.500.000 đồng/người/tháng tăng 5% so với năm 2020.

1.9 Sản phẩm chủ yếu:

a) Sản lượng sợi sản xuất: 9.716 tấn.

b) Sản lượng vải: 540 tấn.

c) Sản phẩm may: 18 triệu sản phẩm dệt kim và 350 nghìn sản phẩm dệt thoi.

2. Công tác đầu tư:

2.1 Mua lại Chi nhánh Quảng Bình:

Thực hiện chủ trương của Tập đoàn về việc thuê tài sản Chi nhánh Quảng Bình tại Khu Công nghiệp Cam Liên, xã Cam Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình từ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May miền Bắc – Vinatex từ năm 2018. Sau 03 năm tiếp nhận, hiện nay Chi nhánh Quảng Bình đã ổn định hoạt động sản xuất và đơn hàng. Để thuận lợi và chủ động trong việc việc quản lý tài sản và công tác đầu tư nâng cấp thiết bị nhà máy của Chi nhánh Quảng Bình, đề nghị Tập đoàn Dệt May Việt Nam đồng ý để Công ty Cổ phần Dệt May Huế lập kế hoạch đầu tư mua lại toàn bộ Chi nhánh Quảng Bình.

2.2 Kế hoạch đầu tư tại các đơn vị:

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư dự kiến (tỷ đồng)	Thời gian triển khai
1	Dự án đầu tư chiều sâu thay thế thiết bị sợi giai đoạn năm 2021 - 2022	38,02	Quý III/2021
2	Dự án đầu tư chiều sâu thiết bị may năm 2021	28,06	Quý II/2021
3	Dự án đầu tư chiều sâu thay thế thiết bị dệt nhuộm năm 2021	17,59	Quý II/2021
4	Dự án xây dựng nhà kho 02 tầng tại nhà máy May 4	10	Quý IV/2021
Tổng cộng		**93,67**	

III. Giải pháp tổ chức thực hiện:

1. Các giải pháp lớn:

1.1. Đổi mới, sáng tạo, linh hoạt phương pháp điều hành, quản lý phù hợp để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2. Xây dựng các kịch bản ứng phó trong trường hợp xấu nhất khi dịch bệnh diễn biến phức tạp hơn.

1.3. Công tác quản lý, điều hành gắn với việc chuyển đổi số; tổ chức triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản trị tại Công ty, trong đó ưu tiên triển khai các quy trình cốt lõi, tăng tỷ lệ tự động hóa tại các nhà máy để tăng năng suất lao động.

1.4. Triển khai công tác đào tạo, đặc biệt là công tác đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thay đổi của thị trường, xu hướng tiêu dùng, giảm vendor, trực tiếp làm việc với khách hàng.

2. Lĩnh vực Sợi:

2.1. Đảm bảo, ổn định chất lượng để duy trì các thị trường xuất khẩu chính của Công ty (châu Âu, Nam Mỹ, Đài Loan, Hàn Quốc, Malaysia) với tỷ trọng từ 80 – 85%, các đơn hàng nội địa chiếm tỷ trọng 15 – 20%.

2.2. Chủ động giải quyết khó khăn do tình trạng tăng giá vận chuyển:

a) Ưu tiên tiếp nhận các đơn hàng FOB thay vì CIF như trước đây, thường xuyên kiểm tra với hãng tàu để lấy booking sớm và chủ động đàm phán giảm giá đến mức thấp nhất có thể để tránh ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh và tiến độ giao hàng.

b) Giảm tỷ lệ đơn hàng tại các thị trường yêu cầu phương thức giao hàng CIF, tăng tỷ lệ đơn hàng tại các thị trường chấp nhận phương thức giao hàng FOB (thị trường Nam Mỹ).

c) Phát triển thêm khách hàng tại các thị trường gần hơn để giảm áp lực về giá vận chuyển như Malaysia, Nhật Bản,…

2.3. Quy hoạch tổng thể lại toàn bộ mặt bằng nhà máy Sợi, phân luồng thiết bị, hoàn thành dự án đầu tư bổ sung, thay thế thiết bị để năng suất hàng tháng đạt 200 tấn/01 vạn cọc với phẩm cấp sợi từ loại khá trở lên, nghiên cứu sản xuất các mặt hàng mới phù hợp với nhu cầu và xu thế của thị trường.

2.4. Cải tạo hệ thống, vận hành điều không hiệu quả, nâng cao hiệu suất máy.

3. Lĩnh vực Dệt Nhuộm:

3.1. Cân bằng năng lực dệt và năng lực nhuộm, đảm bảo đủ năng lực để tiếp nhận các đơn hàng Dệt Nhuộm số lượng lớn của khách hàng.

3.2. Ngoài các đơn hàng FOB sử dụng vải Dệt Nhuộm do các phòng Thị trường May giao dịch, nhà máy Dệt Nhuộm chủ động tìm kiếm đơn hàng gia công, đảm bảo kế hoạch sản xuất của nhà máy đạt trên 80 tấn/tháng.

3.3. Triển khai thực hiện hạch toán đầy đủ đối với lĩnh vực Dệt Nhuộm làm cơ sở để Ban Điều hành Công ty và Giám đốc nhà máy có các quyết định điều hành, quản lý phù hợp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Lĩnh vực May:

4.1. Lập và triển khai dự án đầu tư bổ sung thiết bị tự động cho các nhà máy May, tăng năng suất, giải quyết vấn đề thiếu hụt lao động.

4.2. Thực hiện hạch toán đầy đủ cho các nhà máy May để các nhà máy chủ động trong công tác quản lý chi phí, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4.3. Thực hiện rà soát lại khách hàng và đơn hàng, ưu tiên lựa chọn đơn hàng lớn, đơn hàng FOB, giảm số lượng trung gian, tiến đến làm FOB trực tiếp với khách hàng để tăng hiệu quả của Công ty.

4.4. Phát triển năng lực chuỗi cung ứng và năng lực đội ngũ marketing, merchandiser để có thể làm việc và phát triển đơn hàng trực tiếp với khách hàng.

4.5. Tập trung hỗ trợ nguồn lực để đào tạo nâng cao năng lực cán bộ kỹ thuật, chất lượng cho chi nhánh Quảng Bình để ổn định chất lượng sản phẩm, giữ uy tín và duy trì đơn hàng cho chi nhánh.

4.6. Nâng cao năng lực đội ngũ thiết kế để phát triển thương hiệu nội địa của Công ty, khai thác thị trường nội địa vẫn còn dư địa tăng.

4.7. Xây dựng các phần mềm quản lý và triển khai áp dụng vào công tác phục vụ sản xuất và quản lý chất lượng của khối May, đảm bảo tính minh bạch số liệu, thông tin nhanh, chính xác, hỗ trợ cho công tác quản trị.

4.8. Hoàn thiện phương án xây dựng nhà máy may 3 tầng với quy mô 40 chuyền may để thay thế cho nhà máy May 1 và May 2 đã cũ.

5. 5. Lĩnh vực Nội chính – Tài chính:

5.1. Cập nhật và cải tiến liên tục hệ thống Quản lý Chất lượng, Trách nhiệm Xã hội, Bảo vệ Môi trường, An toàn Vệ sinh lao động để đáp ứng sự thay đổi của chính sách, pháp luật, yêu cầu của khách hàng, xu thế toàn cầu về sản xuất và phát triển bền vững.

5.2. Phối hợp các trường và đơn vị đào tạo chuyên ngành tổ chức đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu thay đổi của thị trường, xu hướng tiêu dùng, giảm vendor, trực tiếp làm việc với khách hàng.

5.3. Xây dựng cơ chế khoán tiền lương cho các đơn vị còn lại để tạo động lực, tăng hiệu quả sử dụng lao động, hiệu quả công việc và thu nhập của CBCNV.

5.4. Xây dựng cơ chế thưởng định kỳ hàng quý dựa trên lợi nhuận tăng thêm để tạo động lực làm việc cho Trưởng, Phó các đơn vị.

5.5. Cập nhật thường xuyên và nghiên cứu các chế độ chính sách mới của Nhà nước về lao động, tiền lương, chính sách đối với người lao động để tham mưu với Lãnh đạo Công ty và hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc vận dụng linh hoạt, có hiệu quả vào thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.6. Phát triển bộ phận IT bắt kịp với sự thay đổi của công nghệ để hỗ trợ cho công tác số hóa công tác quản trị và tự động hóa hoạt động sản xuất của Công ty.

5.7. Củng cố lại văn hóa doanh nghiệp của Công ty, xây dựng hình ảnh Công ty kỷ luật, chuyên nghiệp, có dấu ấn đối với khách hàng và người tiêu dùng.

5.8. Hoàn thiện báo cáo quản trị lĩnh vực May, lĩnh vực Sợi, đồng thời triển khai thực hiện đối với lĩnh vực Dệt Nhuộm và các đơn vị còn lại làm cơ sở để Ban Điều hành Công ty và Giám đốc các nhà máy có các quyết định điều hành, quản lý phù hợp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.`

5.9. Hoàn thiện phần mềm quản lý nguyên phụ liệu may BRAVO, đảm bảo hoạt động ổn định, cung cấp số liệu chính xác cho công tác thanh quyết toán và báo cáo Hải quan.

5.10. Chuẩn bị đủ nguồn vốn cho công tác đầu tư năm 2021.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả thực hiện công tác sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2021, Công ty Cổ phần Dệt May Huế kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty năm 2021 và rất mong nhận được sự góp ý của Đại hội./.

Nơi nhận:
- Đại hội đồng cổ đông Công ty (để báo cáo);
- Các Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Điều hành Công ty;
- Trưởng BKS;
- Các Cổ đông dự đại hội;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3300100628 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ - TX. HƯƠNG THỦY - TỈNH TT. HUẾ

NGUYỄN ĐỨC TRỊ

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỆT MAY HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 353/TTr - DMH

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2021.

TỜ TRÌNH

Về phương án chia cổ tức và phân phối lợi nhuận năm 2020.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt May Huế.
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2020.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dệt May Huế kính trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 dự kiến như sau:

Phần I. Phân phối lợi nhuận năm 2020:

Vốn Điều lệ 100.000.000.000 đồng

Phần I. Phân phối lợi nhuận năm 2020

1. Lợi nhuận thực hiện 15.288.050.561 đồng

Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế / Vốn điều lệ (%) 15,29%

Nộp thuế TNDN 20% lợi nhuận thực hiện 3.383.044.665 đồng

2. Lợi nhuận sau thuế TNDN 11.905.005.896 đồng

Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ (%) 11,91%

3. Lợi nhuận sau thuế TNDN không được phân phối 6.765.799

4. Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối **11.898.240.097 đồng**

STT	Phân phối lợi nhuận sau thuế	Tỷ lệ (%) / VĐL	Số tiền	Tỷ lệ (%) / LN sau thuế	Số dư sau khi đã trích
I	**Trích lập các quỹ**				
1	Quỹ đầu tư phát triển	0,00		0,00	Số dư = 82.478.956.722 đồng
2	Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	0,50	500.000.000	4,20	Số dư = 636.000.000 đồng
3	Quỹ khen thưởng	1,77	1.765.429.782	14,84	Số dư = 1.978.868.266 đồng
4	Quỹ phúc lợi	1,00	1.000.000.000	8,40	Số dư = 10.243.841.758 đồng
	Cộng các quỹ	**3,27**	**3.265.429.782**	**27,44**	
II	**Chi trả khác**	0,63	**632.810.315**	5,32	
III	**Trả cổ tức**	**8,00**	**8.000.000.000**	**67,24**	
	Tổng cộng	**11,90**	**11.898.240.097**	**100**	

Phần II: Phân phối lợi nhuận do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ các năm trước:

- Lợi nhuận do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ các năm trước, trong đó: 545.163.985 đồng
  - + Lợi nhuận chưa thực hiện (03 đối tượng phải thu khó đòi) 313.941.748 đồng
  - + Lợi nhuận đã thực hiện 231.222.237 đồng
- Lợi nhuận được phân phối của các năm trước là 231.222.237 đồng
- Đề nghị tăng vào quỹ khen thưởng 231.222.237 đồng

Thời gian chi trả cổ tức trước ngày 30/6/2021.

Trên đây là phương án dự kiến phân phối lợi nhuận của Công ty, kính trình Đại hội xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐỨC TRỊ

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỆT MAY HUẾ

Số: 354/TTr - DMH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về chi trả tiền lương và thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dệt May Huế

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;

- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt May Huế.

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Hội đồng quản trị Báo cáo và đề xuất Đại hội đồng cổ đông các vấn đề sau:

1. Báo cáo chi trả thù lao năm 2020:

Trong năm tài chính 2020 Công ty đã tiến hành chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát tổng cộng số tiền là 895.792.512 đồng (Tám trăm chín mươi triệu bảy trăm chín mươi hai triệu năm trăm mười hai ngàn đồng), so với tổng mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt tại Nghị quyết số 363/NQ-ĐHCĐ ngày 28/5/2020 chi vượt 43.792.512 đồng (Bốn mươi ba triệu bảy trăm chín mươi hai ngàn năm trăm mười hai đồng). Lý do chi vượt: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 có sự thay đổi nhân sự thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nên có điều chỉnh về tiền lương của các thành viên chuyên trách. Từ tháng 01 đến tháng 06 việc chi trả tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát vẫn áp dụng theo mức chi được duyệt tại Nghị quyết số 326/NQ-ĐHCĐ ngày 30/3/2019.

2. Đề xuất mức tiền lương và thù lao chi trả cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát năm tài chính 2021 như sau:

a) Tiền lương và thù lao Hội đồng quản trị, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 20.000.000 đồng/tháng.
- TV Hội đồng quản trị chuyên trách: 35.000.000 đồng/tháng.
- TV Hội đồng quản trị không chuyên trách: 5.000.000 đồng/tháng.

b) Tiền lương và thù lao Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách: 12.000.000 đồng/tháng.

- Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách: 3.000.000 đồng/tháng.

c) Mức tiền lương và thù lao trên không bao gồm:

- Thuế thu nhập cá nhân, Công ty chi trả khoản thuế này;

- Tiền lương bổ sung, Tiền thưởng, Lễ, tết được hưởng như CBCNV khác theo quy chế Công ty;

d) Thời gian áp dụng mức tiền lương, thù lao này từ ngày 01/01/2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT,TK HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐỨC TRỊ

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỆT MAY HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 355/TTr - DMH

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2021.

TỜ TRÌNH
Về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty (ESOP)

Kính gửi: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Nhằm động viên và đãi ngộ đối với người lao động đã có nhiều đóng góp cho quá trình phát triển của Công ty qua nhiều giai đoạn thăng trầm trong quá trình phát triển và khuyến khích, tạo sự gắn kết người lao động với sự phát triển của Công ty trong điều kiện cạnh tranh lao động trên trường lao động ngày càng tăng, đặc biệt là nguồn lao động chất lượng và đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực và kinh nghiệm. Bên cạnh đó, bổ sung vốn điều lệ để đáp ứng với sự phát triển và và nhu cầu đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh của Công ty. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dệt May Huế dự kiến trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty (ESOP) tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Dự kiến phương án phát hành như sau:

I. Phương án Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động ("ESOP")

1. **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty cổ phần Dệt may Huế
2. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
3. **Mệnh giá cổ phiếu:** 10.000 đồng/cổ phiếu
4. **Vốn điều lệ hiện nay:** 100.000.000.000 đồng
5. **Số lượng cổ phiếu đã phát hành:** 10.000.000 cổ phiếu

Trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành 10.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ 0 cổ phiếu

6. **Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành:** 500.000 (năm trăm nghìn) cổ phiếu.
7. **Giá trị phát hành theo mệnh giá:** 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng).
8. **Mức tăng vốn điều lệ dự kiến**

- Vốn điều lệ trước phát hành 100.000.000.000 đồng
- Số vốn điều lệ dự kiến tăng 5.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành 105.000.000.000 đồng

9. **Hình thức phát hành:** Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động ("ESOP").

10. **Đối tượng phát hành:** Là cán bộ nhân viên quản lý, đã có đóng góp vào sự phát triển của Công ty Cổ phần Dệt may Huế. Cụ thể:

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng Công ty.

- Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT, Bí thư Đoàn Thanh niên Công ty.
- Trưởng, Phó các đơn vị trực thuộc Công ty.

11. Tỷ lệ số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.

12. Giá chào bán: 10.000 đồng/Cổ phần.

13. Nguyên tắc xác định giá bán: Thực hiện theo quy định trong Quy chế phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động do HĐQT quyết định tại thời điểm phát hành.

14. Nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng lao động: Thực hiện theo quy định trong Quy chế phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động do HĐQT quyết định tại thời điểm phát hành.

15. Hạn chế chuyển nhượng: Chuyển nhượng sau 03 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

16. Cán bộ nhân viên được tham gia mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động nghỉ việc trước khi hết thời hạn cam kết hạn chế chuyển nhượng phải bán lại cổ phiếu cho Công đoàn Công ty với mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

17. Thời gian thực hiện: Dự kiến thực hiện trong quy IV năm 2021; Sau khi được UBCKNN thông báo nhận đủ hồ sơ phát hành của Công ty. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định thời gian phát hành phù hợp.

18. Mục đích thực hiện: Nhằm gắn kết lợi ích người lao động với hiệu quả hoạt động của Công ty, ghi nhận sự đóng góp của các cấp cán bộ/nhân viên có đóng góp lớn đối với Công ty và bổ sung nguồn vốn lưu động cho Công ty

19. Phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết: Số lượng cổ phiếu chưa chào bán hết theo dự kiến, sẽ được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT chào bán cho người lao động khác sao cho giá bán không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong trường hợp HĐQT vẫn không tìm được người lao động phù hợp, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu chào bán theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã phân phối.

20. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ trên bản điều lệ Công ty.

21. Thông qua việc đăng ký chứng khoán bổ sung với Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD) và đăng ký giao dịch bổ sung với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

II. Ủy quyền HĐQT

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;

- Ban hành Quy chế phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động để thực hiện phương án này;

- Quyết định tiêu chí, danh sách Cán bộ nhân viên, Thành viên đủ điều kiện tham gia chương trình và số lượng cổ phiếu phát hành cho từng Cán bộ nhân viên, Thành viên;

- Xử lý số lượng cổ phiếu phát hành không được đăng ký mua hết (Nếu có)

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, bổ sung hoặc sửa đổi phương án theo yêu cầu

của Ủy ban chứng khoán Nhà nước hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (nếu có);

- Ủy quyền cho HĐQT quyết định mua lại và sử dụng cổ phiếu khi người được quyền mua theo chương trình ESOP nghỉ việc;
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên;
- Hoàn chỉnh việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (do thay đổi vốn điều lệ) sau khi có Báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN.
- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế sau khi có Báo cáo kết quả phát hành với UBCKNN.
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Kế hoạch và Đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Thực hiện các thủ tục đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề mà Công ty đăng ký kinh doanh.
- Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền lại cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số công việc vụ thể nêu trên.

Hội đồng Quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN ĐỨC TRỊ

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỆT MAY HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 356/TTr - DMH

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2021.

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Kính gửi: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Nhằm phù hợp với thông lệ quản trị hiện đại theo Điều lệ mẫu đã được Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và điều chỉnh theo các quy định mới tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019. Hội đồng Quản trị Công ty đã rà soát, xem xét điều chỉnh một số điều khoản trong Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ"):

1. Thông qua các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty phù hợp với Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản pháp luật liên quan theo Bảng đề xuất và các dự thảo đính kèm.

2. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành Điều lệ hoạt động và tổ chức Công ty theo các nội dung đề xuất tại mục 1 và các nội dung khác (nếu có) phù hợp với các nội dung đề xuất, trên cơ sở tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019, các văn bản pháp luật liên quan và đảm bảo quyền lợi của cổ đông của Công ty.

3. Giao nhiệm vụ và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Dệt May Huế tổ chức hoàn thiện, đăng ký và gửi Điều lệ mới tới các cơ quan có thẩm quyền.

4. Khi Công ty hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong năm 2021, giao nhiệm vụ và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Dệt May Huế sửa đổi vốn điều lệ của Công ty theo kết quả của đợt phát hành sau khi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tổ chức hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ mới theo quy định hiện hành.

5. Thông qua Điều lệ hoạt động và tổ chức của Công ty Cổ phần Dệt may Huế sau khi đã được sửa đổi, bổ sung. Điều lệ mới có hiệu lực kể từ ngày 24/04/2021 và thay thế cho Điều lệ ban hành trước đây.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

NS-M20(00-01/01/2016)

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	**Quy định sửa đổi** *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	**Lý do**
Bổ sung mới 03 Điều: Điều 39; Điều 40; Điều 41. Bỏ 01 Điều: Điều 39 cũ Từ Điều 40 đến điều 55 Điều lệ cũ tương ứng với từ điều 42 đến điều 57 điều lệ mới.		Bổ sung: Thay đổi tên Điều 37 tách thành 02 Điều 37, 38; Điều 38 tách thành 03 điều 39, 40, 41 phù hợp với Điều lệ Mẫu được ban hành kèm theo Thông tư 116 116/2020/TT-BTC
Điều 1: **Bỏ các mục: 1.8; 1.9; 1.11; từ 1.19 đến 1.27** Thay đổi thứ tự và sửa đổi một số khái niệm		
"Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp **số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.**	**Bổ sung các khái niệm:** *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty. *Người quản lý khác của Công ty* là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều hành, Kế toán Trưởng. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con. Sửa đổi mục 1.3 và viết lại thành: *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số **59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020**; Sửa đổi mục 1.4 và viết lại thành:	Thay đổi thứ tự, bổ sung hoặc bỏ đi một số khoản phù hợp với Điều lệ mẫu

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	**Quy định sửa đổi** *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	**Lý do**
"Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán **ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010**;	*Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số **54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019**	
Điều 4: Mục tiêu hoạt động của Công ty. ***Sửa đổi tiêu đề Khoản 1 và tách 1 phần Khoản 1 thành Khoản 2:***		
1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: - Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu mặt hàng sợi, vải, nhuộm và sản phẩm may; - Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, nguyên phụ liệu thuộc ngành Dệt May; - Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, nông lâm hải sản; - Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị tạo mẫu thời trang, phương tiện vận tải; - Kinh doanh các mặt hàng điện, điện tử; - Kinh doanh địa ốc, dịch vụ lưu trú du dịch (khách sạn, nhà nghỉ); - Công ty có thể bổ sung ngành nghề, loại hình hoạt động kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa; mở rộng thị trường, tạo việc làm ổn định và cải thiện đời sống cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp ngân sách nhà nước và xây dựng Công ty phát triển bền vững.	**1. *Ngành nghề kinh doanh của Công ty:*** - Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu mặt hàng sợi, vải, nhuộm và sản phẩm may; - Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, nguyên phụ liệu thuộc ngành Dệt May; - Kinh doanh các mặt hàng thủ công, mỹ nghệ, nông lâm hải sản; - Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị tạo mẫu thời trang, phương tiện vận tải; - Kinh doanh các mặt hàng điện, điện tử; - Kinh doanh địa ốc, dịch vụ lưu trú du dịch (khách sạn, nhà nghỉ); - Công ty có thể bổ sung ngành nghề, loại hình hoạt động kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật. **2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:** Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa; mở rộng thị trường, tạo việc làm ổn định và cải thiện đời sống cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp ngân sách nhà nước và xây dựng Công ty phát triển bền vững.	Thay đổi tên và tách thành 02 khoản là "Ngành nghề kinh doanh của Công ty" và "Mục tiêu hoạt động của Công ty", để phù hợp vơi Điều lệ Mẫu

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động. Sửa đổi nội dung và được viết lại như sau:		
Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động. 1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty. 2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.	**Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty** Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan	Ghép 02 khoản và thay đổi nội dung để phù hợp với nội dung Điều lệ mẫu.
Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập, tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài. ***(Sửa đổi khoản 5; bỏ một phần Khoản 6 và bỏ các khoản 8, 9, 10)***		
5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó	**Khoản 5 được viết lại như sau:** 5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu **trừ**	Sửa đổi phù hợp quy định tại Khoản 3 Điều 124 Luật Doanh nghiệp.

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện **hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá**. 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. **Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.**	**trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.** **Khoản 6 được viết lại như sau:** 6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.	
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu. ***(Sửa đổi Khoản 2, 4; bỏ mục e)***		
Cổ phiếu **là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử** xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với **điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu**	**Khoản 2** Cổ phiếu là **loại chứng khoán** xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. **Khoản 4:** Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Luật Chứng khoán. Sửa đổi theo quy định tài Khoản 3 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn **phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ lãi suất ngân hàng** vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. 5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải **phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh** vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	Gộp chung các nội dung phát sinh thanh toán số tiền mua cổ phiếu chậm thành nội dung "nghĩa vụ tài chính" để phù hợp với Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 116/2020.
Điều 12: Quyền của Cổ đông ***Bỏ Khoản 1; sửa đổi: các mục a, h Khoản 1 (tương ứng khoản 2 Điều lệ cũ), bổ sung thêm các mục: j, k, l; bỏ mục a và bổ sung mục e Khoản 2 (Khoản 3 Điều lệ cũ); bỏ mục b khoản 3 (tương ứng khoản 4 Điều lệ cũ) sửa đổi một số nội dung các khoản 2, 3, 4 (tương ứng 3, 4, 5 Điều lệ cũ)***		
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ	**1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:** a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc **hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định.**	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	**Quy định sửa đổi** *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	**Lý do**
quản trị, **Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn,** nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	kể từ ngày kết thúc năm tài chính. **Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết**, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.	139 Luật Doanh nghiệp.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm đã kiểm toán và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, **Công ty có thể mời đại diện Công ty**	**2.** Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, **Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp** Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.	Đối với Báo cáo tài chính của Công ty có ý kiến loại trừ trọng yếu, ý kiến trái chiều hoặc từ chối, bắt buộc Công ty phải mời đại diện đơn vị kiểm toán tham dự Đại hội đồng cổ đông. Để phù hợp với Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành cùng Thông tư 116/2020

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan. 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định **hoặc ít hơn một phần ba (1/3) số thành viên quy định trong Điều lệ**;	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn **số lượng thành viên tối thiểu** mà luật pháp quy định;	Bỏ điều kiện số lượng thành viên HĐQT còn 1/3 so với tổng số thành viên HĐQT theo Khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
Điều 16: Ủy quyền tham dự Đại hội đồng Cổ đông. ***(Bỏ nội dung khoản 3; Gộp nội dung mục a, b, c Khoản 2)*** .		
2. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp; b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; c) Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện	2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	
Điều 17: Thay đổi các quyền **Bổ sung nội dung Khoản 1 và tách thành khoản 1, 2 Điều lệ mới.**		
1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời **được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua**. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. **Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.** 2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có	Tăng tỷ lệ tổng số cổ phần ưu đãi biểu quyết thông qua việc thay đổi quyền từ 65% lên 75% để phù hợp với Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	
Điều 18: Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ***Bổ sung khoản 6 và mục a khoản 2***		
a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;	a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. **Công ty phải công bố thông tin về**	Khoản 6 quy định thêm nội dung cần đưa vào chương trình đại hội theo kiến nghị của cổ đông. Bổ sung Thay đổi thời gian công bố thông về việc lập danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội đồng cổ

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
	việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng theo Điều 257 Nghị định 155/2020.
Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên trang thông tin của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp **ít nhất mười lăm (15) ngày** trước ngày ngày khác mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận	**Sửa đổi khoản 3:** Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp **chậm nhất 21 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận	Tăng thời gian tối thiểu gửi thông báo mời họp và tài liệu liên quan của Đại hội đồng cổ đông từ 15 ngày lên 21 ngày theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có **đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng** theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này	**Sửa đổi mục b Khoản 5:** Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm **giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên** theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này	Thay đổi điều kiện kiến nghị cổ đông không được đưa vào nội dung họp giảm tỷ lệ nắm giữ từ 10% xuống 5% và không quy định về thời gian nắm giữ theo Điều 115 và Điều 142 của Luật Doanh nghiệp
Điều 19: Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông. **Sửa đổi Khoản 1, 2, 3**		
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết**	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50% tổng số phiếu biểu quyết**	Quy định tại Khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp.
	Sửa đổi các khoản 2, 3	
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.	Theo quy định tại Khoản 2 Điều 145 Luật Doanh nghiệp.
3. **Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ**	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không	Theo quy định tại Khoản 3 Điều 145

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất	đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	Luật Doanh nghiệp.
Điều 20: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; ***Sửa đổi nội dung mục a Khoản 2 (tương ứng Khoản 4 Điều lệ cũ)***		
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp	a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa **hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập**. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	Theo quy định tại Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
Điều 21: Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua		

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
Bỏ Khoản 1, 2; sửa đổi khoản 3 tương ứng khoản 1 điều lệ mới, Bổ sung mục a, b, c tại Khoản 2 mới		
Bỏ Khoản 1, 2 3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	**Sửa đổi khoản 3 thành khoản 1** 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các mục a, b, c Khoản 2 Điều này của Điều lệ Công ty. **Bổ sung các mục a, b, c tài Khoản 2**	Bỏ các nội dung bắt buộc phải được 65% tổng số quyền biểu quyết tham dự Đại hội thông qua như: Điều lệ Công ty, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu chào bán. Theo quy định Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp Bổ sung thêm các trường hợp không được thông qua khi có trên 50% số cổ phần biểu quyết của cổ đông dự họp tán thành. Theo quy định tại các Khoản 3, 4, 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp
Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông ***Bổ sung các mục từ a đến g tại Khoản 1, sửa đổi Khoản 2; Gộp Khoản 4 và 5 thành Khoản 4; Sửa đổi Khoản 8 (tương ứng Khoản 9 Điều lệ cũ).***		
Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem	**Sửa đổi khoản 2:** Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết **chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý**	Bổ sung các nội dung về thẩm quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại Khoản 1 Điều 149 và Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Giảm thời gian tối thiểu gửi tài tài liệu trước hạn gửi lại phiếu từ 15 xuống còn 10 ngày. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
xét biểu quyết và phải gửi ít nhất **mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến**. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này	**kiến**. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	
9. **Quyết định** được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông **đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu** quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	**Sửa đổi Khoản 8 (tương ứng Khoản 9 Điều lệ cũ)** 8. **Nghị quyết** được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông **sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa Quyết định thành Nghị quyết và thay đổi tỷ lệ biểu quyết từ 51% xuống trên 50% tổn số quyền biểu quyết. Theo quy định tại Khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
Điều 23: Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. ***Bỏ Khoản 4, Bổ sung nội dung mục i Khoản 1***		
Bỏ Khoảng 4 **Khoản 1** i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký	**Bổ sung nội dung mục i Khoản 1:** Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. **Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.**	Bổ sung thêm trường hợp Chủ tọa và Thư ký không ký biên bản Đại hội. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị **Bổ sung Khoản 4, Sửa đổi nội dung Khoản 2**		
Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục **ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04)ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	**Bổ sung Khoản 4** **Sửa đổi nội dung Khoản 2** Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04)ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Bổ sung thêm nội dung quy định về tiêu chuẩn thành viên HĐQT. Bỏ giới hạn thời gian sở hữu cổ phần. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
Điều 27: Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị		
	Bổ sung các mục e, f, g, h Khoản 2	Theo quy định tại Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
Bỏ Khoản 3, 5		Bỏ khoản 3 do trùng với cac nội dung tại khoản 2 Điều này. Bỏ quy định HĐQT ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và cán bộ quản lý.
Điều 28: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị		
	Bổ sung khoản 1 Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh **Khoản 6:** Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.	Theo quy định tại Khoản 1 Điều 163 Luật Doanh nghiệp. Theo quy định tại Khoản 6 Điều 28 Điều lệ mẫu ban hành theo TT 116/2020.
Điều 29: Chủ tịch Hội đồng quản trị. ***(Bổ sung thêm Khoản 2; Bổ sung nội dung tại khoản 5 tương ứng khoản 3 cũ)***		
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện	**Bổ sung thêm Khoản 2.** **Bổ sung nội dung tại khoản 5:** Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền	Quy định Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm Tổng Giám đốc quy định tại Khoản 2 Điều 275 Nghị định 155/2020 Bổ sung theo quy định tại Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.	bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. **Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.**	
Điều 30: Các cuộc họp Hội đồng quản trị **Bỏ Khoản 5, 9; Bổ sung Khoản 4, 9**		
	Bổ sung Khoản 4, 9 4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội	Quy định yêu cầu triệu tập họp HĐQT y phải bằng văn bản nêu rõ mục đích vấn đề cần thảo luận theo quy định tại Khoản 4 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	**Quy định sửa đổi** *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	**Lý do**
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty. 9. 9Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể…..	đồng quản trị. 9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp…	Theo quy định tại Khoản 9 Điều 157 Luật Doanh nghiệp
Điều 32: Người phụ trách quản trị Công ty		
Bỏ Khoản 2, 3		Thay đổi để phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020.
Điều 43: Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường		
Bỏ Khoản 3 tại Điều 41 theo Điều lệ cũ		Thay đổi để phù hợp với Điều 43 Điều lệ mẫu bàn hành kèm theo TT 116/2020
Điều 44: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ		
	Bổ sung Khoản 1, 2	
	Điều 49: Chế độ kế toán	

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy định sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
Chế độ kế toán Công ty sử dụng là **Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS)**, chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận	**Sửa Khoản 1 như sau:** Chế độ kế toán Công ty sử dụng chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.	
Điều 50: Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý		
Bỏ các Khoản 4, 5, 6, 7		Thay đổi phù hợp với nội dung Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 116/2020.
Điều 52: Kiểm toán		
Bỏ Khoản 2		Bỏ quy định về thời gian đơn vị kiểm toán báo cáo với HĐQT. Thay đổi phù hợp với nội dung Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư 116/2020
Điều 53: Con dấu. ***(Bổ sung Khoản 1Sửa đổi Khoản 2)***		
1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.	**Bổ sung Khoản 1** **Sửa đổi Khoản 2:** 2. Hội đồng quản trị quyết định **loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện** của Công ty (nếu có).	Sửa đổi theo quy định tại Điều 43 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020.
Điều 54: Giải thể Công ty		
	Sửa đổi Khoản 1: Khi kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi	Quy định Công ty chỉ giải thể khi không

Quy định hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	**Quy định sửa đổi** *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	**Lý do**
Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn	trong Điều lệ của Công ty **mà không có quyết định gia hạn**;	có quyết định gia hạn thời gian hoạt động. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 207 Luật Doanh nghiệp.

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỆT MAY HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 357/TTr - DMH

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2021.

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công ty

Kính gửi: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Nhằm phù hợp với thông lệ quản trị hiện đại theo Điều lệ mẫu đã được Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và điều chỉnh theo các quy định mới tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019. Hội đồng Quản trị Công ty đã rà soát, xem xét điều chỉnh một số điều khoản trong Quy chế quản trị nội bộ của Công ty. HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ"):

1. Thông qua các nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công ty theo bảng đề xuất sửa đổi đính kèm phù hợp với Luật doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019 và các văn bản pháp luật liên quan theo Bảng đề xuất và các dự thảo đính kèm.

2. Ủy quyền cho HĐQT thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế Quản trị nội bộ Công ty theo các nội dung đề xuất tại mục 1 và các nội dung khác (nếu có) phù hợp với các nội dung đề xuất, trên cơ sở tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019, các văn bản pháp luật liên quan và đảm bảo quyền lợi của cổ đông của Công ty.

3. Thông qua Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Dệt may Huế sau khi đã được sửa đổi, bổ sung. Quy chế mới có hiệu lực kể từ ngày 24/04/2021 và thay thế cho Quy chế quản trị nội bộ ban hành trước đây.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 3300100... CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ TX. HƯƠNG THỦY - TỈNH T.T. HUẾ

NGUYỄN ĐỨC TRỊ

NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

Quy chế hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy chế sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
PHẦN MỞ ĐẦU		
	Bổ sung nội dung: Phần mở đầu và các căn cứ pháp lý	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ("**Luật Doanh nghiệp**"), Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 ("**Luật Chứng khoán**"), Nghị định 155/2020/NĐ-CP ("**Nghị định 155**") và Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 ("**Thông tư 116**") áp dụng cho công ty đại chúng.
Điều 1: Phạm vi áp dụng và đối tượng áp dụng		
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Thông tư 95/2017/TT-BTC (gọi tắt là Thông tư 95) ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính Hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với các công ty đại chúng. - Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.	1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật. 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.	Phù hợp với Điều 1 Quy chế mẫu trong Thông tư 116

Quy chế hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	**Quy chế sửa đổi** *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	**Lý do**
Điều 2. Giải thích từ ngữ (Bổ sung thêm mục i, j; bỏ mục h)		
h) "Thành viên Hội đồng quản trị độc lập" là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiep		Bỏ do Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
	i) "Người quản lý Công ty" là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác. j) Người quản lý khác của Công ty là Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Điều hành, Kế toán Trưởng.	Bổ sung phù hợp với mục 1.9, 1.10 Điều lệ Công ty sau khi thay đổi
Điều 3. Đại hội đồng cổ đông		
	Bổ sung: 1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp thường niên và cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản. 2. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty và thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.	Phù hợp với Khoản 1 Điều 2 Quy chế mẫu theo Thông tư 116
Điều 4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông (Tách và sửa đổi Khoản 1 Điều 3 quy chế cũ và bổ sung khoản 2)		
1. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản	1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội	- Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không cần phải thông báo Cơ quan đăng ký kinh doanh,

Quy chế hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	**Quy chế sửa đổi** *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	**Lý do**
trị, **Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn**, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường theo các trường hợp sau: a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; **b) Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;** c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc **ít hơn một phần ba (1/3) số thành viên quy định trong Điều lệ**; d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và được tập hợp đủ chữ ký các cổ đông liên quan; e) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp **nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị**	đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường trong các trường hợp sau: a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định; c) Theo yêu cầu Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và được tập hợp đủ chữ ký các cổ đông liên quan; d) Theo yêu cầu Ban Kiểm soát; e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật	- Bỏ mục b Khoản 1 - Bỏ điều kiện thiếu 1/3 tổng số thành viên… - Bỏ một phần nội dung mục e Các sửa đổi để phù hợp với Khoản 1 Điều 14 Điều lệ Công ty điều chỉnh sửa đổi.

Quy chế hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy chế sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;	**Bổ sung Khoản 2** Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ...	Bổ sung theo mục c Khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 và Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155/2020
Điều 5. Trình tự, thủ tục họp thường niên hoặc bất thường của Đại hội đồng cổ đông ***(tách từ Khoản 2 đến Khoản 5 Điều 3 Quy chế cũ và bổ sung thêm Khoản 1; chuyển Điều 4 Quy chế cũ thành Khoản 4 Điều 5 Quy chế mới)***		
	Bổ sung Khoản 1 1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông: a) Hội đồng quản trị triệu tập họp thường niên và bất thường của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy chế này.....	Bổ sung theo mục a Khoản Điều 2 Quy chế mẫu bàn hành kèm theo Thông tư 116/2020
Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây: a)Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp	**Sửa đổi khoản 2** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách các cổ đông có đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập	Thay đổi thời gian lập danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội từ 10 ngày xuống 05 ngày; theo quy định tại mục a Khoản 7 Điều 14 Điều lệ Công ty điều chỉnh

Quy chế hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	**Quy chế sửa đổi** *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	**Lý do**
Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; **b) Chương trình, nội dung đại hội;** **c)Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;** **d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;** **e)Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;** **f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;**	không sớm hơn **năm (05) ngày** trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ **đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.**	Bổ sung giới hạn thời gian CBTT việc lập danh sách cổ đông được quyền tham dự Đại hội là 20 ngày; để phù hợp với Khoản 1 Điều 273 Nghị định 155/2020.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đồng thời công bố trên trang thông tin của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp **ít nhất mười (10) ngày trước ngày ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).....	3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, trường hợp cổ đông là cán bộ công nhân viên Công ty thông báo có thể gửi thông báo đến tận tay hoặc thông qua các phương tiện khác của Công ty, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp **chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp** (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).....	Tăng thời gian gửi thông báo mời họp và công bố thông tin tài liệu Đại hội; theo quy định tại Khoản 1 Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020.
Mục b Khoản 5 b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc	**Mục b Khoản 6** b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc	Sửa đổi để phù hợp với Khoản 2 Điều 115

Quy chế hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy chế sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
nhóm cổ đông không có đủ ít **nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo** quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty;	nhóm cổ đông không nắm giữ đủ **từ 5% cổ phần phổ thông trở lên** theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;	Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 6. Ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông (*Bổ sung Điều 6 để phù hợp với mục e, Khoản 2 Điều 2 Quy chế mẫu ban hành theo Thông tu 116/2020*)		
Điều 7. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông (*Bổ sung Điều 7 để phù hợp với mục h, Khoản 2 Điều 2 Quy chế mẫu ban hành theo Thông tu 116/2020*)		
Điều 8. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông *(Trích từ Khoản 1, 2, 4 của Điều 5 Quy chế cũ và bổ sung thêm một số nội dung để làm rõ về cách thức tiến hành Đại hội đồng cổ đông*)		
Điều 10. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (*Sửa đổi và bổ sung từ các Khoản 5, 6, 7, 8 Điều 5 Quy chế cũ*)		
Khoản 6 Điều 5 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: **a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;** b) **Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán**; Loại cổ phần tổng số cổ phần từng loại. c) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;	**Khoản 2** 1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được	Sửa đổi phù hợp với Điều 21 Điều lệ Công ty sửa đổi.

Quy chế hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	**Quy chế sửa đổi** *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	**Lý do**
d) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; e) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ Công ty quy định; f) Tổ chức lại, giải thể Công ty;	ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e) Tổ chức lại, giải thể Công ty; f) Và các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định. **Bổ sung Khoản b** **Bổ sung Khoản c**	Quy định tỷ lệ Nghị quyết được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Quy định tỷ lệ thông qua Nghị quyết đối với các vấn đề cổ phần ưu đãi
Điều 11. Thủ tục bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông ***(Bổ sung để hướng dẫn cách thức bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)***		
Điều 13. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông (*bổ sung nội dung tại mục i Khoản 1*)		
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;	i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. **Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.**	Bổ sung phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020
Điều 14: Công bố thông tin Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ***(Bổ sung để quy định các phương tiện công bố thông tin)***		
Điều 15: Trình tự thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông và thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ***(Bổ sung Khoản 1; sửa nội dung Khoảng 8)***		

Quy chế hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	**Quy chế sửa đổi** *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	**Lý do**
	Bổ sung Khoản 1: 1.Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp sau: a)Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; b) Định hướng phát triển công ty; c)Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; e)Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g) Tổ chức lại, giải thể công ty.	Bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty sửa đổi.
Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông **đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết** chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. **Nghị quyết** được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu **trên 50% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Quy chế hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy chế sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
Điều 16. Cơ cấu tổ chức và vai trò Hội đồng quản trị. ***(Bổ sung để phù hợp với Điều 3 Quy chế mẫu ban hành theo Thông tư 116/2020)***		
Điều 17. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị (*Bỏ Khoản 2, rút gọn và sửa đổi Khoản 1*)		
1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này; b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác. **c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty đại chúng không thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác.** **d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người điều hành khác của công ty; không được là người có liên quan của người điều hành, người có thẩm quyền bổ nhiệm người điều hành công ty mẹ.**	1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp; 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty; 3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.	Sửa đổi phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp
Điều 18: Trình tự thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (*Gộp các Điều 10, 11, 12; Sửa đổi Khoản 2 cũ*)		

Quy chế hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	**Quy chế sửa đổi** *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	**Lý do**
Khoản 2 Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục **ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04)ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	**Khoản 1** Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04)ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên	Bỏ quy định về thời gian sở hữu cổ phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
Bỏ Khoản 6, 8; 6. Ứng viên trúng cử Hội đồng Quản trị phải **đạt tỷ lệ phiếu bầu ít trên 65% tổng số cổ phần** của các cổ đông và người đại diện cổ đông dự họp tại Đại hội đồng cổ đông. 8. Nếu bầu vòng thứ nhất mà không đủ số thành viên Hội đồng quản trị có tỷ lệ từ 65% trở lên thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu vòng thứ hai đối với những ứng viên còn lại cho tới khi đủ thành viên Hội	Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định **theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp**, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số	Theo quy định tại Điều 11 Quy chế quản trị nội bộ không quy định tỷ lệ phiếu bầu tối thiểu của ứn cử viên phải đạt được.

Quy chế hiện tại *(Phần in đậm là nội dung bỏ hoặc bị sửa đổi)*	Quy chế sửa đổi *(Phần in đậm là nội dung bổ sung hoặc sửa đổi)*	Lý do
đồng Quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty	
Điều 23. Thù lao và tiền lương của Hội đồng quản trị ***(Bổ sung phù hợp với Khoản 3 Điều 3 Quy chế mẫu bàn hành theo Thông tư 116/2020)***		
Điều 24. Người phụ trách quản trị Công ty ***(Chuyển Chương IX thành Điều 24 và sửa đổi một số nọi dung theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 Quy chế mẫu ban hành theo Thông tư 116/2020 và Điều 281 Nghị định 155/2020)***		
Điều 25. Cơ cấu và vai trò của Ban Kiểm soát ***(Sửa đổi tiêu chuẩn của Trưởng ban Kiểm soát)***		
Khoản 3 Điều 16 Trưởng ban kiểm soát phải **là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty**	**Khoảng 3 Điều 25** Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. **Trưởng Ban kiểm soát ngoài các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Quy chế này phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.**	Bỏ yêu cầu Trưởng ban Kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và bỏ yêu cầu Trưởng ban Kiểm soát phải làm việc chuyên trách; theo quy định tại
Điều 30. Tổng Giám đốc ***(Bổ sung theo Điều 5 Quy chế mẫu ban hành theo Thông tư 116/2020)***		

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2021.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin báo cáo Đại hội hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dệt May Huế.

I. Danh sách Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2018 – 2023, cụ thể:

1. Ông Nguyễn Đức Trị - Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Ông Nguyễn Bá Quang - TV Hội đồng quản trị chuyên trách
3. Ông Nguyễn Văn Phong – Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
4. Ông Hồ Ngọc Lan – Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc.
5. Bà Nguyễn Hồng Liên – Thành viên HĐQT, Giám đốc Điều hành.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Các phiên họp: 04 phiên họp

2. Xin ý kiến bằng văn bản: 08 lần

3. Các hoạt động chính:

a) Chỉ đạo, tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

b) Chỉ đạo triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

c) Trong năm đã đồng ý với chủ trương Ban Giám đốc Công ty bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ quản lý cấp trung.

d) Chỉ đạo Ban Điều hành trong công tác phòng chống dịch Covid 19.

e) Hàng quý đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty qua đó kịp thời chỉ đạo, định hướng Ban Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

f) Các Nghị quyết của HĐQT đã được ban hành đúng thẩm quyền, đúng quy định Điều lệ Công ty, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế hoạt động và hỗ trợ tích cực cho cơ quan điều hành trong việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

g) Ngoài các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo chuyên đề hoặc theo văn bản trình của cơ quan điều hành, các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi, phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh. Trong các phiên họp, số lượng thành viên tham gia họp đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, các phiên họp đều có mời Trưởng ban kiểm soát tham gia theo quy định.

h) Chỉ đạo các bộ phận có liên quan trong việc triển khai sửa đổi, bổ sung Điều lệ

hoạt động và tổ chức Công ty, Quy chế quản trị nội bộ Công ty và soản thảo Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát Công ty phù hợp với với quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Điều lệ mẫu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty xem xét phê duyệt.

i) Năm 2020, HĐQT đã tổ chức và xin ý kiến biểu quyết bằng băn bản của các thành viên HĐQT để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền nhằm tăng cường công tác quản trị, bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

j) Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành các nghị quyết sau: Nghị quyết đánh giá kết quả SXKD năm 2019 và giải pháp thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2020; Nghị quyết về việc khen thưởng Ban Điều hành; Các Nghị quyết về đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh các quý và kế hoạch các quý tiếp theo năm 2020; Các Nghị quyết về hạn mức tín dụng tại các Ngân hàng; Nghị quyết về việc chi trả tiền lương năm 2020 đối với chức danh Tổng Giám đốc; Nghị quyết thông qua chủ trương triển khai Dự án đầu tư bổ sung thiết bị sợi giai đoạn 2020 – 2021; Nghị quyết thay đổi thời gian Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

k) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành được thực hiện thông qua việc hàng tháng HĐQT có kế hoạch làm việc trực tiếp với các đơn vị sản xuất, các phòng nghiệp vụ để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh. Sau giám sát Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện một số giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại, đẩy mạnh sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các đơn vị thành viên.

II. Định hướng và kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2021

1. Định hướng chiến lược:

a) Thực hiện đúng và đủ các quyền hạn của Hội đồng quản trị đã quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Tăng cường mối liên hệ giữa Hội đồng quản trị với cổ đông, giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

b) Tiếp tục duy trì ổn định, kiện toàn tổ chức hoạt động đầu tư chiều sâu, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, thiết bị hiện đại, nâng cấp hệ thống quản trị thông tin.

c) Chỉ đạo Ban điều hành tập trung đào tạo nguồn nhân lực cấp cao; tập trung đầu tư chiều sâu máy móc thiết bị theo hướng tự động hóa cao, hiện đại, phù hợp với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

d) Tiếp tục đẩy mạnh công tác thị trường theo chuyên môn hóa tại các đơn vị.

e) Tiếp tục sắp xếp lại bộ máy tổ chức và hệ thống phòng ban tại Công ty và các đơn vị trực thuộc theo hướng tinh gọn và phù hợp với sự phát triển của Công ty

f) Chỉ đạo Ban điều hành tích cực quản trị dòng tiền, giảm thiểu rủi ro tài chính, xây dựng giải pháp, chiến lược nguồn tài chính cho công tác đầu tư chiều sâu và đầu tư đào tạo nguồn nhân lực.

g) Tăng cường kiểm tra giám sát định kỳ, đột xuất để đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các Quy chế nội bộ của Công ty.

h) Bằng nhiều biện pháp tạo điều kiện và có chính sách tốt nhất chăm lo đời sống cho người lao động và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2021:

a) Tổ chức các phiên họp HĐQT định kỳ theo quy định để nghe các báo cáo, kiến nghị của Ban điều hành, báo cáo của Ban kiểm soát, thảo luận thông qua các báo cáo, đề án, dự án, kế hoạch, chính sách… trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Tổ chức các phiên họp đột xuất để giải quyết các công việc phát sinh theo thẩm quyền của HĐQT được quy định trong Điều lệ hoạt động của Công ty.

c) Đề xuất phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức để trình Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

d) Xây dựng định hướng, triển khai công việc, nhiệm vụ chiến lược của Công ty, quyết định các dự án và các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp: 1.388 tỷ đồng
- Doanh thu: 1.423 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 25 tỷ đồng.
- Dự kiến chia cổ tức: 15%/Vốn điều lệ.

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2020 và chương trình hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị. Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến đóng góp và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỆT MAY HUẾ

Số:01/BC2021-BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 01 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ NĂM 2020

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp năm 2020; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần Dệt May Huế.

Căn cứ vào Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dệt may Huế ngày 28/05/2020

Căn cứ vào báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH KPMG Việt Nam kiểm toán ngày 25/03/2021

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và Báo cáo kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020

Căn cứ vào các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và các hồ sơ chứng từ, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thay mặt Ban Kiểm soát, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kiểm soát hoạt động năm 2020 của Công ty như sau:

Thành phần kiểm tra:

- Bà Phan Nữ Quỳnh Anh: Trưởng Ban Kiểm soát.
- Ông Hồ Nam Phong: Thành viên Ban Kiểm soát.
- Bà Phạm Thị Vân Hà: Thành viên Ban Kiểm soát.

Nội dung kiểm tra:

- Đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc điều hành, quản lý Công ty và việc triển khai thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, trung thực của báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Dệt May Huế.

- Đánh giá tình hình Sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dệt May Huế năm 2020.

Tài liệu kiểm tra:

- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán;

- Căn cứ Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty;

- Căn cứ các tài liệu báo cáo liên quan đến các phòng: Tài chính Kế toán, Kinh doanh, KHXNK May, Điều hành May, Nhân sự và các đơn vị liên quan.

Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá tình hình Sản xuất kinh doanh, tài chính của Công ty CP Dệt May Huế năm 2020 và thống nhất lập báo cáo cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT NĂM 2020 CỦA BAN KIỂM SOÁT

A. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty hằng quý trong việc kiểm soát các nội dung như: đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh.doanh quý trước; xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ, phương hướng hoạt động của quý tiếp theo; công tác đầu tư.

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát việc tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và các quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.

- Kiểm soát các Báo cáo tài chính các quý, 6 tháng, báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực độ tin cậy của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Phân tích tình hình sản xuất kinh doanh:

Chỉ Tiêu	ĐVT	TH năm 2019	Năm 2020		% so sánh	
			KH năm 2020	TH năm 2020	TH/KH năm 2020 (%)	TH/cùng kỳ năm trước (%)
		1	2	3	5=3/2	6=3/1
1.Một số chỉ tiêu được giao KH:						
- Giá trị SX công nghiệp	Tr đồng	1.653.320	1.412.000	1.295.649	91,76	78,37
- Kim ngạch XK thanh toán	Tr USD	59,81	47,00	45,52	96,85	76,11
- Kim ngạch XK tính đủ	Tr USD	100,43	79,40	97,61	122,93	97,19
- Kim ngạch NK tính đủ	Tr USD	37,68	24,00	39,34	163,93	104,43
- Sản phẩm chủ yếu:						

+ Sợi toàn bộ	Tấn	13.018	10.200	8.910	87,35	68,44
+ Vải dệt kim	Tấn	636.05	400	564.2	141,05	88,70
+ SP may dệt kim	1000 sp	20.189	21.000	45.222	215,34	223,99
2. Tổng doanh thu	Tr đồng	**1.757.220**	**1.452.000**	**1.357.922**	**93.52**	**77,28**
- Doanh thu thuần	Tr đồng	1.743.991		1.338.664		76,76
- Doanh thu hoạt động TC	Tr đồng	9.318		9.832		105,51
- Doanh thu khác	Tr đồng	3.911		9.426		241,02
3. Chi phí		**1.733.753**		**1.342.634**		**77,44**
- Giá vốn hàng bán	Tr đồng	1.611.122		1.228.752		76,27
- Chi phí hoạt động TC	Tr đồng	24.885		21.647		86,99
Trong đó chi phí lãi vay	*Tr đồng*	*20.602*		*14.777*		*71,73*
- Chi phí bán hàng	Tr đồng	53.939		44.314		82,16
- Chi phí quản lý DNghiệp	Tr đồng	40.441		41.228		101,94
- Chi phí khác	Tr đồng	3.366		6.693		198,87
4. Một số khoản chi phí theo yếu tố		**416.305**		**419.250**		**100,71**
- Chi phí khấu hao	Tr đồng	54.720		56.160		102,63
- Chi phí tiền lương	Tr đồng	340.983		348.313		102,15
- Chi phí lãi vay	Tr đồng	20.602		14.777		71,73
5. Lợi nhuận						
- Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	23.467	10.000	15.288	152,88	65,15
+ LN thuần từ HĐộng KD	Tr đồng	22.922		12.555		54,77
+ LN khác	Tr đồng	545		2.733		501,11
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr đồng	18.208		11.905		65,38
6. Lao động và thu nhập						
- Lao động bình quân	Người	5.369		4.926		91,75
- Thu nhập bình quân	1000đ/ (tháng)	7.123		7.126		100
7. Phân tích tỷ lệ lợi nhuận – chi phí						
- Tỷ suất lợi nhuận /VĐL	%	23,47		15,29		65,15
- Giá vốn/Doanh thu thuần	%	92,38		91,79		99,36
- Chi phí HĐTC/DT thuần	%	1,43		1,62		113,33
- Chi phí bán hàng/DTthuần	%	3,09		3,31		107,03
- Chi phí quản lý/DT thuần	%	2,32		3,08		132,81

Nhận xét:

- Về doanh thu: Doanh thu thực hiện của năm 2020 đạt 1.357,9 tỷ đồng, đạt 93,5% kế hoạch, giảm 22,7% so với năm 2019

- Về chi phí: Chi phí trong năm 2020 giảm 22,6% so với năm 2019. Trong đó, chi phí giá vốn giảm 23,7%, chi phí hoạt động tài chính giảm 13%, chi phí bán hàng giảm 17,8%, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 1,9%.

Trong đó, chi phí lãi vay giảm sâu so với năm ngoái, đặc biệt là những tháng cuối năm do các ngân hàng đồng loạt hạ lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh khi dịch bệnh đã được kiểm soát.

- Về lợi nhuận: Mặc dù doanh thu năm 2020 giảm 22,7% so với năm 2019, tỷ lệ chi phí trên doanh thu năm 2020 tăng 0.21% so với năm trước nên lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2020 đạt 15.288 triệu đồng, giảm 34,85% so với năm 2019. Tuy nhiên, kết quả lợi nhuận thực hiện (trước thuế) này vượt 52,88% so với kế hoạch đã đề ra trong Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Kết quả thực hiện SXKD năm 2020

(Đơn vị tính: Tr đồng)

STT	Mặt hàng / hoạt động	Doanh thu		Tốc độ tăng trưởng	Chi phí		Tốc độ tăng trưởng	Lợi nhuận		Tốc độ tăng trưởng
		2019	2020		2019	2020		2019	2020	
	TỔNG CỘNG	**1.757.220**	**1.357.921**	**-23%**	**1.733.753**	**1.342.634**	**-23%**	**23.467**	**15.288**	**-35%**
1	**Hoạt động SXKD chính**	**1.656.912**	**1.295.648**	**-22%**	**1.635.755**	**1.283.431**	**-22%**	**21.157**	**12.218**	**-42%**
	Sợi	753.354	488.417	-35%	782.799	514.530	-34%	-29.445	-26.113	-11%
	Vải	3.557	6.603	86%	4.410	6.606	50%	-853	-2	-100%
	May	900.001	800.628	-11%	848.546	762.295	-10%	51.455	38.333	-26%
2	**Hoạt động khác**	**100.306**	**62.273**	**-38%**	**97.998**	**59.203**	**-40%**	**2.310**	**3.070**	**33%**
	KD khác + PL	87.050	42.992	-51%	85.847	41.289	-52%	1.203	1.703	42%
	Dịch vụ	29	23	-21%	29	23	-21%	-	-	-
	Hoạt động TC	9.318	9.832	6%	8.756	11.198	28%	562	-1.366	-343%
	Thu nhập bất thường	3.911	9.426	141%	3.366	6.693	99%	545	2.733	401%

❖ Đối với lĩnh vực Sợi:

Doanh thu sản xuất kinh doanh sợi năm 2020 là 488,42 tỷ đồng, đạt 81,4% kế hoạch, giảm 35% so với năm 2019, tương ứng chi phí giảm 34% so với năm 2019 nên lợi nhuận năm 2020 lỗ 26 tỷ đồng, giảm lỗ 3,3 tỷ đồng (tương đương với 11%) so với năm 2019.

Sau hơn 1 năm chịu tác động bởi cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, thị trường sợi bắt đầu khởi sắc trong 2 tháng đầu năm 2020 thì đến tháng 3/2020, khi đại dịch Covid – 19 bùng phát, nhu cầu thị trường sợi thế giới giảm liên tục và sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị cùng ngành trong nước trên thị trường nội địa dẫn đến khó khăn trong công tác kinh doanh sợi. Nhà máy Sợi phải đóng máy gần 01 tháng. Khi bắt đầu hoạt động sản xuất trở lại từ tháng 5, năng lực sản xuất của Nhà máy Sợi chỉ đạt 40% so với thời điểm trước dịch. Bắt đầu từ quý III, thị trường sợi phục hồi dần, nhu cầu khách hàng bắt đầu tăng trở lại. Đến giai đoạn cuối năm 2020, giá cước vận chuyển tăng đột biến nên một số đơn hàng phải xin lùi lịch giao hàng sang tháng 1 và 2 năm 2021. Thêm vào đó, công tác tái cấu trúc khối Sợi bắt đầu từ 6 tháng cuối năm, giảm số lượng cọc sợi từ 6,7 vạn cọc xuống còn 4,5 vạn cọc và giảm số lao động Nhà máy Sợi từ 680 lao động xuống còn 450 lao động. Vì vậy, doanh thu tiêu thụ sợi năm 2020 giảm so với năm 2019

❖ Đối với lĩnh vực Dệt Nhuộm:

Doanh thu kinh doanh vải năm 2020 là 6,6 tỷ đồng, tăng 86% so với năm 2019. Chi phí tăng 50% so với năm trước nên lợi nhuận kinh doanh vải năm 2020 là âm 2 triệu đồng, giảm lỗ 851 triệu đồng so với năm 2019.

❖ Đối với lĩnh vực May:

Doanh thu tiêu thụ sản phẩm may năm 2020 là 800,63 tỷ đồng, đạt 98,1% so với kế hoạch, giảm 11% so với năm 2019. Chi phí sản xuất kinh doanh may giảm 10%, dẫn đến lợi nhuận sản xuất kinh doanh may năm 2020 là 38,3 tỷ đồng, giảm 26% so với năm 2019.

Trong bối cảnh ngành Dệt May gặp nhiều khó khăn trong năm 2020 và quý 1 năm 2021, nhờ giữ được các khách hàng truyền thống nên Công ty đảm bảo được đơn hàng cho các nhà máy. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị, cơ quan điều hành và cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực, quyết tâm, đồng lòng, rất lớn. Sự linh hoạt trong chuyển đổi cơ cấu sản phẩm sản xuất, từ mặt hàng áo quần truyền thống sang sản phẩm khẩu trang vải kháng khuẩn vào thời điểm dịch bệnh bùng phát, cùng với việc thay đổi mô hình quản lý của Khối May, đã giúp các Nhà máy May chủ động hơn trong công tác chuẩn bị sản xuất, qua đó, tạo sự bứt phá về năng suất lao động nên năm 2020 mặc dù là năm hết sức khó khăn nhưng doanh thu sản xuất kinh doanh May xấp xỉ đạt kế hoạch đề ra.

II. Thẩm định số liệu Báo cáo tài chính:

1. Việc tuân thủ các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

- Năm tài chính 2020 của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020.

Căn cứ theo số liệu báo cáo tài chính năm 2020 do Công ty lập và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam, Ban Kiểm sát ghi nhận số liệu trên báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần Dệt May Huế đã phản ánh trung thực và hợp

lý tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2020, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Phản ánh các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp thanh toán công nợ, quản lý và sử dụng tài sản, nguồn hình thành tài sản được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào chứng từ sổ sách kế toán theo đúng quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

2. Các Chỉ tiêu cân đối tài chính tại ngày 31/12/2020.

(Đơn vị tính: Tr đồng)

TÀI SẢN	31/12/2019	31/12/2020	So sánh		%/Tổng TS	
			Tuyệt đối	Tương đối	Năm 2019	31-12-2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**499.163**	**390.184**	**(108.980)**	**78%**	**69%**	**65%**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	27.033	39.306	12.273	145%	4%	7%
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000	5.000	0	100%	1%	1%
3. Các khoản phải thu ngắn hạn. T.đó:	211.997	136.402	(75.595)	64%	29%	23%
-Phải thu ngắn hạn của khách hàng + PT khác	213.481	140.279	(73.202)	66%	30%	23%
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.672	2.269	(2.403)	49%	1%	0%
-Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(6.155)	(6.146)	9	100%	-1%	-1%
4. Hàng tồn kho. T.đó:	243.563	198.921	(44.642)	82%	34%	33%
- Hàng tồn kho	244.096	199.368	(44.728)	82%	34%	33%
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(533)	(447)				
5.Tài sản ngắn hạn khác	11.570	10.555	(1.016)	91%	2%	2%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**223.670**	**211.982**	**(11.688)**	**95%**	**31%**	**35%**
1. Tài sản cố định	207.656	190.393	(17.264)	92%	29%	32%
2. Tài sản dở dang dài hạn	608	583	(25)	96%	0%	0%
3. Đầu tư tài chính dài hạn. T.đó:	3.451	6.320	2.870	183%	0%	1%
- Vốn góp đầu tư	3.874	6.711	2.837	173%	1%	1%
- Lập dự phòng	(423)	(390)	33	92%	0%	0%
3. Tài sản dài hạn khác	11.955	14.686	2.731	123%	2%	2%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**722.833**	**602.166**	**(120.668)**	**83%**	**100%**	**100%**
C. NỢ PHẢI TRẢ	**520.699**	**407.236**	**(113.463)**	**78%**	**72%**	**68%**
I. Nợ ngắn hạn	**390.856**	**284.609**	**(106.248)**	**73%**	**54%**	**47%**
- Phải trả người bán ngắn hạn + Người mua trả tiền trước	60.758	103.035	42.277	170%	8%	17%
-Thuế và các khoản Phải nộp nhà nước	2.991	3.189	197	107%	0%	1%
- Phải trả người lao động	38.174	54.872	16.697	144%	5%	9%
- Phải trả ngắn hạn khác	22.396	20.041	(2.355)	89%	3%	3%

-Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	256.705	91.344	(165.361)	36%	36%	15%
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9.831	12.128	2.297	123%	1%	2%
II. Nợ dài hạn	129.843	**122.628**	**(7.215)**	**94%**	**18%**	**20%**
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**202.134**	**194.929**	**(7.205)**	**96%**	**28%**	**32%**
I. Vốn chủ sở hữu	**202.134**	**194.929**	**(7.205)**	**96%**	**28%**	**32%**
-Vốn CSH	100.000	100.000	0	100%	14%	17%
-Thặng dư cổ phần	-	-	-			
- Quỹ đầu tư phát triển	82.479	82.479	0	100%	11%	14%
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.655	12.450	(7.205)	63%	3%	2%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**722.833**	**602.166**	**(120.668)**	**83%**	**100%**	**100%**

3. Phân tích các chỉ tiêu tài chính:

3.1 . Tình hình vật tư hàng hóa tồn kho ngày 31/12/2020:

Tổng giá trị hàng tồn kho đến 31/12/2020 là 199.368 triệu đồng chiếm 33% trên tổng tài sản, so với năm 2019 hàng tồn kho giảm 18% tương ứng mức giảm 44.728 triệu đồng. Trong đó, hàng tồn kho chậm luân chuyển là 741 triệu đồng. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho chậm luân chuyển là là 447 triệu đồng.

Giá trị tồn kho chủ yếu như sau:

(Đơn vị tính: Tr đồng)

TT	Chỉ tiêu	2019	2020	So sánh
	TỔNG CỘNG	**244.096**	**199.368**	**82%**
1	Nguyên vật liệu chưa đưa vào SX	99.883	65.159	65%
2	Hàng mua đang đi đường	47.144	26.220	56%
3	Chi phí sản xuất dở dang	40.925	47.613	116%
4	Thành phẩm tồn kho	34.325	26.941	78%
5	Công cụ dụng cụ trong kho	6	74	1233%
6	Hàng gửi đi bán	21.813	33.190	152%
7	Hàng hóa	0	171	-

Trong đó, giá trị nguyên vật liệu tồn kho và thành phẩm tồn kho giảm so với năm 2019 chủ yếu là do lượng tồn kho bông xơ nguyên liệu giảm 56% và sợi thành phẩm tồn kho giảm 46% so với thời điểm cuối năm 2019.

3.2. Công nợ phải thu, phải trả đến 31/12/2020:

a. Công nợ phải thu : 136.402 trđ, *trong đó:*

+ Phải thu của khách hàng ngắn hạn : 136.110 trđ

+ Phải thu ngắn hạn khác : 4.169 trđ

+ Trả trước người bán : 2.269 trđ

+ Phải thu dài hạn : 0 trđ

+ Dự phòng phải thu khó đòi : (6.146) trđ

Những khách hàng nợ lâu năm khó đòi, không có khả năng trả nợ tính đến ngày 31/12/2020 bao gồm:

+ Ông Bùi Thế Quân : 2.319 trđ (từ năm 2001)

+ Ông Nguyễn Trọng Bùi : 645 trđ (từ năm 2004)

+ Taijuh Garment CO.,LTD : 358 trđ (từ năm 2006)

+ CT TNHH SX TM DV XNK Hưng Thành Đạt (gốc) : 2.420 trđ (từ 9/2012)

+ CT TNHH SX TM DV XNK Hưng Thành Đạt (lãi) : 404 trđ

Hiện nay Công ty đang tiếp tục thu nợ và một số khách hàng nhỏ lẻ khác. Công ty đã lập dự phòng các khoản nợ khó đòi trên là theo đúng quy định thông tư 48/2019/TT-BTC với số trích dự phòng **(-) 6.146 trđ.**

- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng nợ phải thu của khách hàng tính đến ngày 31/12/2020 như sau:

STT	Đối tượng	Số dư nợ phải thu (trđ)	Tỷ lệ (%)
1	AURORA INVESTMENTS GLOBAL INC	78.307	57,5
2	SUDIMA INTERNATIONAL PTE.LTD	23.928	17,6
3	HANSAE CO., LTD - KOREA	6.118	4,5
4	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Dệt May Thiên An Phát	3.048	2,2
5	Các khoản phải thu khách hàng khác	24.709	18,2
	Cộng	**136.110**	**100**

Tất cả các khoản nợ phải thu khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số nợ phải thu của khách hàng nói trên đều là nợ trong hạn. Trong đó, công nợ phải thu khách hàng quá hạn (ngoài những khách hàng nợ lâu năm khó đòi) tính đến ngày 31/12/2020 như sau:

STT	Đối tượng	Số dư nợ quá hạn (trđ)
1	Công ty TNHH Dệt May Hưng Hiền	2.043
2	ITOCHU Corporation/Osasl Section	582
3	Công ty CP Dệt May Thiên An Phú	319
4	Công ty Cổ Phần Đầu Tư Dệt May Thiên An Phúc	314
5	Công ty TNHH SX Thương mại Minh Bạch	3
	Cộng	**3.261**

Tuy nhiên đây là những khách hàng thường xuyên giao dịch và Công ty đã thu hồi được nợ quá hạn trong năm 2021. Riêng Công ty TNHH Dệt May Hưng Hiền còn nợ quá hạn 802 trđ và CTCP Đầu tư Dệt May Thiên An Phúc còn nợ quá hạn 277 trđ.

b. Công nợ phải trả, tính đến ngày 31/12/2020:

Tổng nợ phải trả: 407.236 trđ, giảm 22% so với số dư đầu năm 2020 và chiếm 68% trên tổng nguồn vốn

- Nợ ngắn hạn : 284.609 trđ

Trong đó: Vay ngắn hạn Ngân hàng : 91.344 trđ

Cụ thể:

STT	Đối tượng	Dư nợ vay ngắn hạn (trđ)	Tỷ lệ (%)
1	Ngân hàng Ngoại thương	40.498	44,3
2	Ngân hàng Công thương	14.780	16,2
3	Ngân hàng Đầu tư phát triển	34.521	37,8
4	Tập đoàn DMVN (ADB)	1.545	1,7
	Cộng	**91.344**	**100**

- Nợ dài hạn : 122.628 trđ

Trong đó: Vay dài hạn : 122.628 trđ

Cụ thể các khoản vay đầu tư dài hạn bao gồm:

STT	Đối tượng	Dư nợ vay dài hạn (trđ)	Tỷ lệ (%)
1	Ngân hàng Ngoại thương	25.200	20,5
2	Ngân hàng Công thương	16.086	13,1
3	Ngân hàng Đầu tư phát triển	1.703	1,4
4	Tập đoàn DMVN (ADB)	79.638	64,9
	Cộng	**122.628**	**100**

- Tình hình trả lãi, nợ gốc vay Ngân hàng của Công ty:

Trong năm 2020, Công ty trả lãi vay ngân hàng là 14.777 trđ. Công ty đã đảm bảo trả nợ gốc và lãi đúng hạn, không có nợ quá hạn.

3.3. Tình hình đầu tư Tài chính dài hạn:

Tổng vốn đầu tư vào các Công ty khác đến 31/12/2020 là 6.711 tr đồng.

Các đơn vị hoạt động chưa hiệu quả là Công ty CP Bông và KDTH Miền Trung và Công ty CP Dệt Kim Hanosimex.

Cụ thể tình hình góp vốn tại các đơn vị đến thời điểm kết thúc năm 2020 như sau:

(Đơn vị tính: Tr đồng)

STT	Tên Công ty	Năm đầu tư	Vốn điều lệ	Vốn góp theo mệnh giá	Tỷ lệ %	Vốn góp theo thực tế	Tỷ lệ %
1	Công ty CP Sợi Phú Bài	2003	95.000	3.461,86	4	4.210,98	4,43
2	Công ty CP Bông và KDTH Miền Trung	2003	9.133,8	650	7	650	7,12
3	Công ty CP Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	2008	62.500	1.500	2	4.032	6,45
4	Công ty CP Dệt Kim Hanosimex	2008	38.000	1.008	3	1.008	2,65

5	Công ty CP Sợi Phú Nam	2015	35.500			248,77	0,70
6	Công ty CP Sợi Phú Việt	2015	58.000	90,97	0	257,10	0,44
7	Công ty CP Sợi Phú Mai	2015	44.650			107,45	0,24
	Cộng			**6.710,83**		**10.514,3**	

3.4.Vốn điều lệ:

STT	Đơn vị góp vốn	Số vốn (trđ)	Tỷ lệ %
1	Tập đoàn Dệt May VN	63.898,24	63,90
2	Cổ phần của các cổ đông khác	36.101,76	36,10
	Tổng cộng	**100.000,00**	**100,00**

4. Một số chỉ tiêu quan trọng phản ánh cơ cấu về tài sản, nguồn vốn, hiệu quả hoạt động, tình hình Tài chính của Công ty.

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	năm 2019	So sánh năm 2020/năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,67	0,66	102%
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,37	1,28	107%
Chỉ tiêu về khả năng hoạt động				
Chu kỳ hàng tồn kho	ngày	65,72	58,80	112%
Hệ số vòng quay các khoản phải thu	lần	7,76	8,16	95%
Ngày thu tiền bình quân	ngày	47,05	44,72	105%
Vòng quay vốn lưu động	lần	12,52	15,27	82%
Vòng quay tổng tài sản	lần	2,02	2,30	88%
Cơ cấu về tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	64,79	69,06	94%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	35,21	30,94	114%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ phải trả /Tổng tài sản	lần	0,68	0,72	94%
Hệ số nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	lần	2,09	2,58	81%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,89	1,04	85%
Hiệu quả sử dụng vốn(ROE)	%	5,98	9,17	65%
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA)	%	1,79	2,75	65%

Nhận xét:

- Hệ số thanh toán nhanh của Công ty năm 2020 là 0,67 lần, tăng 0,01 lần so với năm 2019. Hệ số thanh toán hiện hành năm 2020 là 1,37 lần, tăng 0,09 lần so với năm 2019. Nguyên nhân là nợ ngắn hạn năm 2020 giảm với tốc độ nhanh

hơn tài sản ngắn hạn. Các hệ số thanh toán của Công ty đang ở mức an toàn, điều này cho thấy tình hình tài chính của Công ty hoàn toàn có thể đảm bảo được các khoản nợ ngắn hạn.

- Chu kỳ hàng tồn kho năm 2020 tăng 12% so với năm 2019, ở mức 65,7 ngày/chu kỳ. Vòng quay tổng tài sản giảm 12% so với năm 2019 và ở mức 2,02 lần. Điều này cho thấy tình hình hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty vẫn ổn định. Công ty vẫn duy trì lượng hàng tồn kho, đảm bảo năng lực sản xuất và kinh doanh.
- Trong cơ cấu nguồn vốn, tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản và nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu đều giảm so với năm 2019. Nguyên nhân là lãi suất vay năm 2020 giảm mạnh so với năm trước. Tuy nhiên, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu vẫn ở mức 2,09 lần. Điều này cho thấy công ty vẫn đang sử dụng tốt đòn bẩy tài chính và vẫn đảm bảo các khoản nợ của mình ở mức an toàn.

III. Đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020

1. Về hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ pháp luật, bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để triển khai các kế hoạch thực hiện nhiệm vụ.

Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ các quý cùng với Ban Điều hành và xin ý kiến bằng văn bản để nắm cụ thể và giám sát sát sao tình hình tài chính, hoạt động của các khối. Đồng thời, thông qua các báo cáo của Ban Giám đốc để theo dõi, nắm bắt quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị để đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư, tổ chức nhân sự, xây dựng chiến lược phát triển, yêu cầu cơ quan điều hành thực hiện các giải pháp khắc phục các tồn tại, đẩy mạnh sản xuất, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất đồng thuận cao của các thành viên Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của Công ty, cổ đông và người lao động. Và đã thực hiện hoàn thành khá toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Trong năm qua, Hội đồng quản trị và cơ quan điều hành đã triển khai rà soát và sửa đổi các quy trình nghiệp vụ của Công ty nhằm phù hợp với cơ cấu tổ chức mới, tăng tính thực thi, chủ động, tăng tính tương tác phối hợp giữa các bộ phận.

2. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:

Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Công ty đã thực hiện và đạt được kết quả sản xuất kinh doanh thông qua các chỉ tiêu cơ bản sau:

- Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá hiện hành) năm 2020: 1.412 tỷ đồng, đạt 91.4% so với kế hoạch
- Tổng doanh thu năm 2020: 1.357,9 tỷ đồng, đạt 93,5% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận thực hiện trước thuế: 15,3 tỷ đồng, đạt 152,7% so với kế hoạch.

3. Về công tác quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc, Ban điều hành:

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2020 về công tác sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển, thu nhập cho CBCNV và người lao động, thông qua các cuộc họp Ban điều hành, họp các Khối và báo cáo từ các đơn vị, Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá kết quả trên tất cả các lĩnh vực, phân tích những mặt làm được, chưa làm được triển khai các chương trình, kế hoạch hành động hàng tháng.

Công tác quản lý điều hành của Ban Giám đốc đã thật sự năng động, quyết liệt; các chủ trương, giải pháp đề ra được lãnh đạo Công ty tập trung chỉ đạo một cách mạnh mẽ. Sự phối hợp giữa các cấp lãnh đạo quản lý được giải quyết một cách có hiệu quả các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công việc.

Trước những diễn biến phức tạp của đại dịch Covid – 19 và các đợt thiên tai liên tiếp diễn ra, Tổng Giám đốc đã quyết liệt đưa ra các kế hoạch hành động, vẫn đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động. Quan tâm đến đời sống, sức khỏe của người lao động để họ yên tâm tập trung sản xuất.

Tiếp tục lựa chọn, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ bổ sung thêm cho các vị trí cán bộ chủ chốt kế cận của Công ty.

C. NHẬN XÉT VÀ KHUYẾN NGHỊ:

I. Nhận xét:

Năm 2020 có thể nói là năm của thiên tai, dịch bệnh, thảm họa. Đại dịch Covid – 19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu đã khiến bức tranh kinh tế thế giới năm 2020 hết sức u ám. Ngành Dệt May là một trong những ngành chịu ảnh hưởng lớn bởi đại dịch.

Tháng 01 và tháng 02/2020, Công ty gặp khó khăn trong việc đảm bảo tiến độ sản xuất, xuất hàng do nguồn nguyên phụ liệu chính của Công ty nhập chủ yếu từ Trung Quốc, Đài Loan nhưng thời điểm này, dịch đang bùng phát mạnh tại Trung Quốc, Đài Loan, dẫn đến đứt gãy nguồn cung nguyên phụ liệu.

Đến tháng 03/2020, khi dịch bệnh lan sang Châu Âu và Mỹ, là 2 thị trường xuất khẩu chính của Công ty, cùng với lệnh giới nghiệm, hạn chế đi lại, giãn cách xã hội tại các thị trường này, các đơn hàng May bị thông báo hủy, hoãn trị giá 71.8 tỷ đồng. Các Nhà máy May phải sắp xếp cho lao động nghỉ ngừng việc do không có kế hoạch sản xuất trong tháng 4/2020. Công ty phải tìm kiếm, tiếp nhận gia công các đơn hàng khẩu trang vải kháng khuẩn để duy trì đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động.

Công tác bán sợi cũng gặp rất nhiều khó khăn khi ở các thị trường xuất khẩu chính, các Nhà máy phải đóng cửa do dịch bệnh. Cùng với áp lực cạnh tranh từ các đơn vị khác cùng ngành trong nước, các đơn hàng sợi bị hoãn, hủy vô thời hạn trị giá 41.6 tỷ

đồng, lượng sợi thành phẩm tồn kho lớn nên Nhà máy Sợi phải đóng máy ngừng việc từ 22/4/2020 đến 20/5/2020. Trong quý III/2020, Nhà máy phải giảm năng lực sản xuất do sợi tồn kho cao.

Quý IV/2020, thị trường đã ấm hơn (giá sợi có xu hướng phục hồi do tồn sợi ở các nhà máy vải thấp, nhu cầu sợi bắt đầu tăng trở lại), giúp các đơn vị sợi cải thiện được hiệu quả kinh doanh.

Nhờ sự ứng biến linh hoạt, chủ động thay đổi của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty trong việc đổi mới phương pháp quản trị, tái cấu trúc Khối May, tái cấu trúc Nhà máy Sợi từ 6,7 vạn cọc xuống còn 4,5 vạn cọc, lao động Nhà máy Sợi giảm từ 680 người xuống còn 450 người đã giúp ổn định chất lượng sợi, tăng năng suất từ 64,7 kg sợi Ne30/công lên 74,2 kg sợi Ne30/công, duy trì được việc làm, ổn định tiền lương cho người lao động trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh.

II. Những khuyến nghị đề xuất:

1. Dự báo các yếu tố tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021:

Đến nay, tình hình đại dịch trên thế giới vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường. Tác động tiêu cực của đại dịch còn có thể kéo dài trong 1-2 năm tới. Dự báo xuất khẩu của ngành dệt may năm 2021 đạt khoảng 39 tỷ USD, tăng 14% so với năm 2020, bằng 97% năm 2019 và vẫn còn tiếp tục khó khăn bởi sau 1 năm chống chọi với đại dịch, thu nhập của người dân còn rất khó khăn, hành vi tiêu dùng thay đổi. Người dân ưu tiên mua nhu yếu phẩm, thực phẩm hơn là áo quần.

Các hiệp định thương mại đã được thực thi thời gian qua, đặc biệt là Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) vừa được ký kết hồi tháng 11/2020 đã mở ra một thị trường lớn cho ngành Dệt may với mức độ cam kết ít khắc khe hơn và sẽ giúp bổ trợ phần nguyên liệu trong nước bị thiếu hụt hiện nay. Tăng cơ hội rộng mở thị trường khi Trung Quốc bắt đầu nhập khẩu sản phẩm dệt may của Việt Nam và hàng may mặc của Việt Nam được sản xuất từ nguyên phụ liệu Trung Quốc cũng được hưởng ưu đãi thuế quan khi xuất sang thị trường Nhật Bản.

Trong giai đoạn tới, đề nghị Ban lãnh đạo Công ty chỉ đạo cơ quan điều hành xây dựng chiến lược linh hoạt, tập trung nâng cao hệ thống quản trị cả trong sản xuất và trong việc sử dụng nhân sự; chủ động tìm kiếm các đơn hàng phù hợp trong đó đặc biệt chủ động tìm kiếm nguồn cung ứng nguyên phụ liệu phù hợp, đảm bảo chủ động và hiệu quả trong hoạt động sản xuất hàng FOB.

Vận tải hàng hóa bằng đường biển trong năm 2021 hiện đang rất căng thẳng. Giá vận chuyển tiếp tục tăng trong khi thiếu hụt container rỗng. Tình trạng này có thể tiếp tục kéo dài trong năm 2021. Thị trường bông xơ diễn biến phức tạp, khó dự báo trong khi giá sợi đang có xu hướng chững lại. Bên cạnh đó, mặc dù diễn biến dịch bệnh Covid 19 đang dần được kiểm soát do các nước đang triển khai tiêm vaccine tuy nhiên tại Châu Âu và một số nước khác đang bùng phát dịch trở lại, nhiều doanh nghiệp tiếp

tục đóng cửa. Cùng với đó, Trung Quốc đang đưa ra các hành động trả đũa các nước, làm ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường chung.

2. Kiến nghị:

2.1. Lĩnh vực Sợi:

- Chuẩn bị mọi điều kiện và tâm thế khi dịch bệnh được kiểm soát, nền kinh tế tại các thị trường xuất khẩu sợi hồi phục.

- Bám sát các biến động của thị trường về nguyên liệu bông xơ để chào bán sợi.

- Duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh đối với các khách hàng truyền thống. Tìm kiếm, phát triển thêm khách hàng mới. Khai thác ở những thị trường đang có lãi, các thị trường sợi chi số thấp như Ne 20/1, Ne24/1, Ne30/1 để tận dụng hết năng lực máy ghép-thô, cân đối dây chuyền sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh sợi.

- Quy hoạch tổng thể mặt bằng Nhà máy Sợi sau khi hoàn thành dự án đầu tư bổ sung, thay thế thiết bị Nhà máy Sợi, duy trì thực hiện 5S và hệ thống quản lý chất lượng sợi để phát triển Nhà máy Sợi với quy mô 5 vạn cọc, năng suất đạt 200 tấn/vạn cọc sợi/tháng với phẩm cấp từ loại khá trở lên.

- Nghiên cứu, lựa chọn phương án pha bông phù hợp với từng loại nguyên liệu để duy trì ổn định chất lượng sợi, giảm tỷ lệ tiêu hao bông xơ, vận hành hệ thống và các thiết bị điện hiệu quả, giảm tiêu hao điện năng. Thường xuyên kiểm soát công tác dự trù vật tư phụ tùng, kết hợp rà soát vật tư phụ tùng tồn kho tại P.Kinh doanh và Nhà máy Sợi để cung ứng số lượng, chất lượng hợp lý, không để tồn kho giá trị lớn.

- Quan tâm, chú trọng vào công tác nhận diện, đánh giá rủi ro của các quá trình sản xuất, kinh doanh Sợi. Xây dựng, cập nhật các rủi ro của các quá trình để lồng ghép các biện pháp khắc phục vào trong quy trình hệ thống, phổ biến để nâng cao ý thức phòng ngừa các rủi ro trong quá trình hoạt động cho người lao động thông qua các cuộc họp hàng tuần/tháng

- Tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao tay nghề, kỹ năng quản lý, vận hành hệ thống sợi. Tổ chức các đoàn tham quan học tập tại các doanh nghiệp cùng ngành, có hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban Sản xuất Kinh doanh Sợi của Tập đoàn Dệt may Việt Nam để nắm bắt thông tin, quy hoạch mặt hàng và thị trường trong hệ thống, đồng thời xem xét ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản trị ngành sợi đã áp dụng thí điểm tương đối thành công tại ngành Sợi của Tổng Công ty Dệt May Hà Nội.

2.2. Lĩnh vực Dệt Nhuộm:

- Lập và triển khai dự án đầu tư bổ sung 10 máy dệt kim tròn, công nghệ mới, thay thế cho các máy dệt kim đã cũ, công nghệ lỗi thời.

- Phát huy thế mạnh của Dệt Nhuộm là các mặt hàng dùng sợi Polyester, sợi spandex, sợi filament, đồng thời nghiên cứu, phát triển thêm các dòng sản phẩm mới mà Nhà máy Dệt Nhuộm đang có được công nghệ đủ để đáp ứng.

- Ngoài việc phụ thuộc vào các đơn hàng FOB của Công ty, Nhà máy phải chủ động tìm kiếm, mở rộng một số khách hàng có tiềm năng để đảm bảo công suất cho Nhà máy từ 80-100 tấn/tháng.

2.3. Lĩnh vực May:

- Thực hiện rà soát khách hàng và đơn hàng, ưu tiên lựa chọn các đơn hàng lớn, đơn hàng FOB, tiến đến làm FOB trực tiếp, giảm số lượng khách hàng trung gian để tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Lên kế hoạch đặt chỗ tàu vận chuyển và có phương án thay thế trong trường hợp khẩn cấp. Cân nhắc các phương thức giao hàng phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro từ vấn đề vận tải, tránh phát sinh các chi phí phạt do giao hàng.

- Thực hiện hạch toán đầy đủ cho các Nhà máy May để các Nhà máy chủ động trong công tác quản lý chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Quan tâm đào tạo, nâng cao năng lực của đội ngũ thiết kế để phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng, khai thác có hiệu quả thị trường nội địa, phát triển thương hiệu Freswal của Công ty.

- Nghiên cứu, điều tiết cân bằng chuyền để vẫn đảm bảo ổn định lao động, tăng năng suất bền vững khi luật Lao động 2019 bắt đầu có hiệu lực vào đầu năm 2021.

- Tập trung chú trọng vào công tác cải tiến sản xuất để tăng năng suất, ổn định chất lượng sản phẩm. Đề xuất đầu tư các thiết bị tự động, hiện đại để tăng hiệu quả hoạt động của các Nhà máy, tiết giảm lao động và sẵn sàng chuyển đổi mặt hàng để linh hoạt thích ứng với tình hình bất ổn của thị trường hiện nay.

3. Công tác tài chính:

- Bên cạnh các phương án về tăng năng suất, cần phải kiểm soát tốt các chi phí. Công ty cần phải có kế hoạch vay, huy động, sử dụng nguồn tiền hợp lý, cắt giảm các chi phí không cần thiết, thực hiện công tác tiết kiệm một cách triệt để nhằm giảm bớt chi phí tài chính, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tạo lợi thế cạnh tranh về giá cho Công ty.

- Đối với phương án hạch toán đầy đủ cho các Nhà máy May, Công ty cần xây dựng cụ thể quy trình hạch toán đầy đủ để các Nhà máy May hiểu rõ cách làm cũng như có căn cứ để thực hiện.

- Kiểm soát chặt chẽ hàng tồn kho và công nợ phải thu để hạn chế rủi ro cho Công ty. Phối hợp với các phòng Thị Trường May và phòng Kinh doanh để đốc thúc, thu hồi công nợ phải thu quá hạn.

- Xây dựng phương án cân đối dòng tiền để triển khai các dự án đầu tư chiều sâu sắp tới và dự án đầu tư mua lại tài sản Nhà máy May Quảng Bình của Tổng Công ty Dệt may Miền Bắc – Vinatex, đảm bảo hiệu quả sau đầu tư.

- Các khoản đầu tư ra bên ngoài của Công ty đến thời điểm 31/12/2020 là 6.711 triệu đồng. Hiện tại, khoản đầu tư vào Công ty CP Bông và KDTH Miền Trung và Công ty

CP Dệt kim Hanosimex chưa mang lại hiệu quả. Đề nghị Công ty đẩy nhanh tốc độ thoái hóa vốn ở hai đơn vị này trong năm 2021.

4. Công tác về quản lý hệ thống, Nhân sự

- Tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao tay nghề, trình độ của đội ngũ kỹ thuật để phù hợp với các thay đổi của hệ thống máy móc, thiết bị mới đầu tư bổ sung, nâng cấp.

- Tham quan, học tập, chuẩn bị các điều kiện vật chất để dần chuyển đổi phương thức điều hành, quản lý thủ công truyền thống sang áp dụng công nghệ số, thay đổi văn hóa công ty theo hướng tích cực, hiện đại.

- Tiếp tục hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực, chất lượng của đội ngũ kỹ thuật tại Chi nhánh Quảng Bình để ổn định chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ tái chế, giữ uy tín cho Chi nhánh.

- Cập nhật, bổ sung thêm các quy trình, quy định, hướng dẫn mới, đồng thời phối hợp với Ban Kiểm soát nội bộ để đặt các chốt kiểm soát vào trong các quy trình, giúp hoàn thiện hệ thống, giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình hoạt động.

- Trước sự cạnh tranh về lao động gay gắt hiện nay giữa các doanh nghiệp trong khu vực, các chính sách đối với người lao động trong Công ty cần phải đặt trong bối cảnh chung để có những hành động, thay đổi đúng, phù hợp, hạn chế việc thất thoát lao động lành nghề, tốn kém chi phí đào tạo lao động mới, ảnh hưởng đến năng suất lao động, hiệu quả làm việc.

- Rà soát hệ thống các quy trình, quy định theo hướng phù hợp với thực tế mới của thị trường và hành vi của người tiêu dùng, đồng thời có khả năng thích ứng cao khi thực hiện chuyển đổi số.

- Nâng cao năng lực về công nghệ thông tin để làm tiền đề tham gia chủ động trong quá trình chuyển đổi số của ngành dệt may.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

- Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm soát để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội cổ đông hàng năm.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tham gia góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc thực hiện các kế hoạch, mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông phê duyệt cũng như việc xây dựng kế hoạch hàng năm của Công ty.

- Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời cập nhật thông tin phục vụ cho công tác kiểm tra giám sát.

- Làm việc với Kiểm toán độc lập và có ý kiến về những vấn đề mà kiểm toán đã đưa ra dưới góc độ độc lập của Ban Kiểm soát.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

TM.BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HƯNG YÊN

PHAN NỮ QUỲNH ANH

Nơi nhận:
- Chủ tịch HĐQT;
- Các Thành viên HĐQT;
- Ban Giám đốc;
- TV Ban KS, KTT;
- Lưu: Ban Kiểm soát.

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỆT MAY HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 259/TTr - DMH

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2021.

TỜ TRÌNH

Về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty

Kính gửi: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt May Huế.

Trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban Kiểm soát Công ty đã xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (đính kèm bản Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 3300100628-C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ ★ TX. HƯƠNG THỦY - T.T. HUẾ

PHAN NỮ QUỲNH ANH

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM
CÔNG TY CP DỆT MAY HUẾ

Số: 360/TTr - DMH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 23 tháng 4 năm 2021.

TỜ TRÌNH
Về việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2021

Kính gửi: Đại hội Đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dệt May Huế

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt May Huế.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dệt May Huế kính trình Đại hội đồng Cổ đông về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2021.

1. Yêu cầu đối với Công ty kiểm toán độc lập:

- Phải thuộc danh sách các công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố.
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty, thực hiện kiểm toán đúng thời hạn, uy tín và chất lượng .

2. Đề xuất của lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021:

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 đạt hiệu quả cao nhất. Ban Kiểm soát đề nghị Đại hội đồng Cổ đông lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam, trụ sở tại Tầng 46, tòa nhà Keangnam, Landmark Tower, 72 tầng, E6, Phạm Hùng, Cầu Giấy, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội là công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Dệt May Huế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

PHAN NỮ QUỲNH ANH